

Báo Cáo Chiến Lược Tháng 10.2022

KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Mở tài khoản



Tải ứng dụng



Trung tâm phân tích <GO>

KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ TRÊN NỀN VĨ MÔ ỔN ĐỊNH TRONG BỐI CẢNH BẤT ỔN CỦA TOÀN CẦU

- Nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với sự giảm tốc
- GDP 2022 của Việt Nam được kỳ vọng đạt 8%, cao nhất khu vực Đông Nam Á
- IIP - ngành công nghiệp tiếp tục tăng tốc ở hầu hết các địa phương
- PMI tiếp tục duy trì tăng trưởng, sức mua tháng phục hồi tích cực
- Cán cân thương mại hàng hoá 9T.2022 xuất siêu 6.92 tỷ USD
- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới 9T.2022 tăng 31.1% yoy
- Vốn đầu tư công cải thiện tích cực
- Giải ngân FDI tiếp tục tăng mạnh
- Giá cả được kiểm soát ổn định, áp lực lạm phát giảm dần
- Lãi suất liên ngân hàng & Tỷ giá tăng mạnh

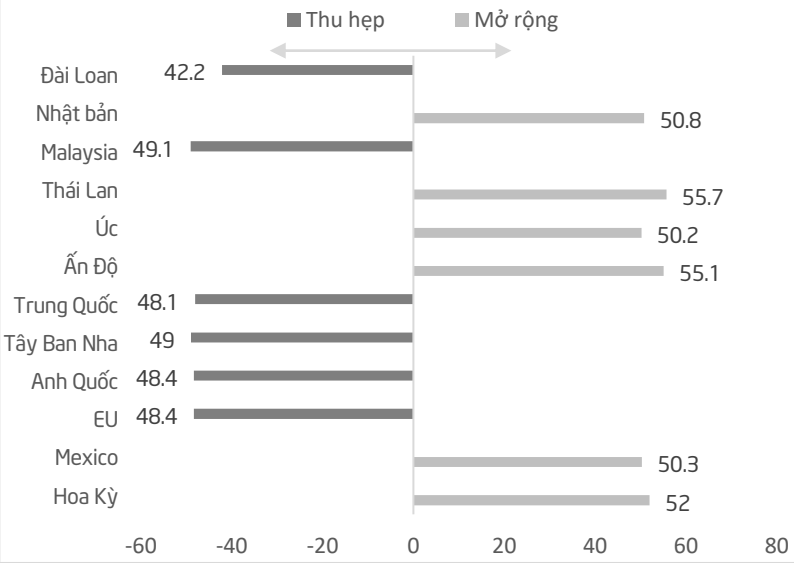
ĐIỂM LẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 09.22 & TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG 10.22

- VN-Index điều chỉnh cùng thị trường toàn cầu
- Dòng tiền tìm về nhóm Bảo hiểm & Bán lẻ
- Thị trường tương lai sôi động trở lại
- Dòng tiền từ khối ngoại đảo chiều
- VN-Index vẫn đang ở vùng định giá hấp dẫn với P/E fw là 11.x

NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU ĐANG ĐỐI MẶT VỚI SỰ GIẢM TỐC

- Theo dữ liệu Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng – PMI tháng 09.2022 cho thấy, PMI của nhiều quốc gia đang ghi nhận dưới 50 điểm kể từ tháng 07.2020. Điều này cho thấy, làn sóng tăng lãi suất trong thời gian gần đây đã có sự thấm thấu vào nền kinh tế. Một số quốc gia có PMI dưới 50 điểm như Đài Loan, Malaysia, Trung Quốc và EU... Trong đó, Đài Loan đang cho thấy sự giảm tốc trong điều kiện sản xuất. Trong thời gian tới, lạm phát và biến động giá năng lượng đang là vấn đề được quan tâm nhiều nhất. Trong đợt khảo sát của McKinsey & Company cho thấy, có tới 68% người được khảo sát ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương lựa chọn lạm phát là vấn đề họ quan tâm nhất, 56% người được khảo sát ở khu vực Châu Âu lựa chọn lạm phát là vấn đề họ quan tâm nhất. Liên quan tới vấn đề năng lượng, cuộc xung đột giữa Nga – Ukraine đang ngày càng phức tạp. Vì vậy, biến động của lạm phát và xu hướng tăng lãi suất của Fed và các ngân hàng trung ương cũng rất khó để dự đoán.
- Theo đó, nhiều tổ chức trên thế giới đã hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 so với dự báo được đưa ra trước đó. Điển hình, trong báo cáo tháng 09, WB đã hạ dự báo tăng trưởng năm 2022 và 2023 của 90% các nền kinh tế phát triển và 80% các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Trong báo cáo tháng 07, IMF nhận định suy thoái toàn cầu ngày càng rõ nét khi có sự hiện hữu của một số yếu tố như (1) lạm phát cao trên toàn thế giới đặc biệt là Hoa Kỳ và EU làm cho điều kiện tài chính toàn cầu bị thắt chặt mạnh mẽ, (2) tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại rõ rệt và cuộc xung đột Nga-Ukraine chưa có dấu hiệu kết thúc. Trong báo cáo tháng 09, OECD khẳng định rằng nền kinh tế toàn cầu đang mất đà tăng trưởng trong năm 2022.

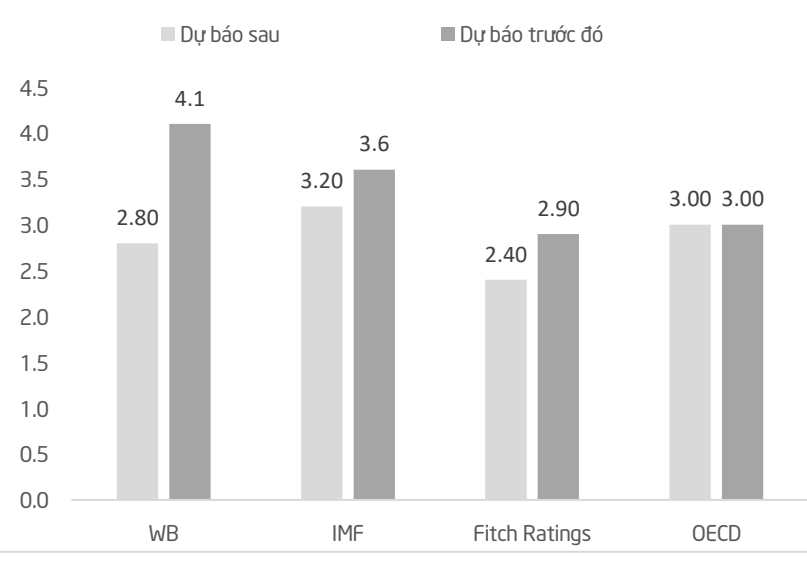
Chỉ số PMI của một số quốc gia (Điểm)



Tỷ trọng câu trả lời trong tổng số câu hỏi của từng vùng

	Asia-Pacific	Europe	North America	er developing mai	Greater China
Lạm phát	68	56	55	53	26
Biến động giá năng lượng	30	62	23	19	23
Xung đột địa chính trị	33	36	31	24	19
Tăng lãi suất	24	27	37	18	10
Đứt chuỗi cung ứng	24	22	25	20	19
Thiếu lao động	13	11	31	5	13
Covid-19	21	2	3	2	48

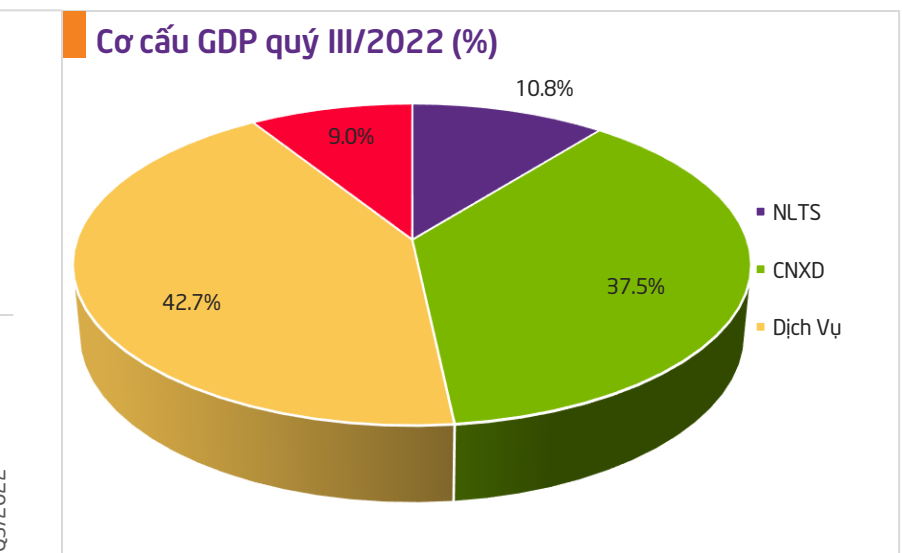
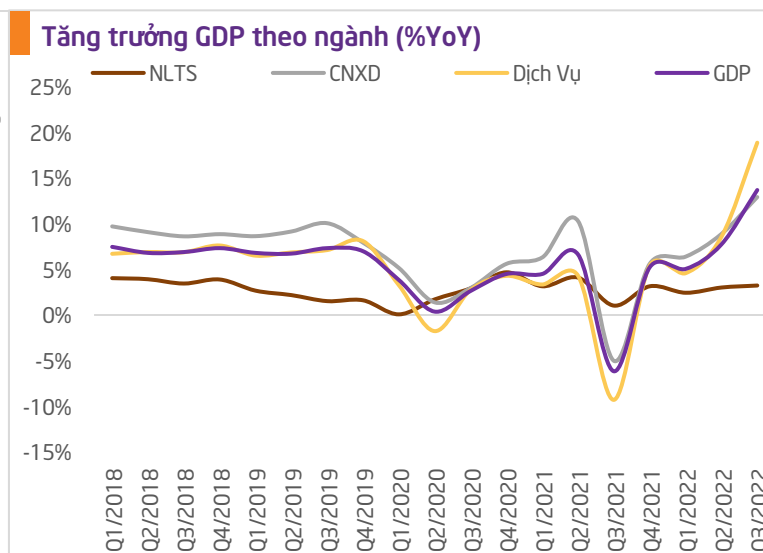
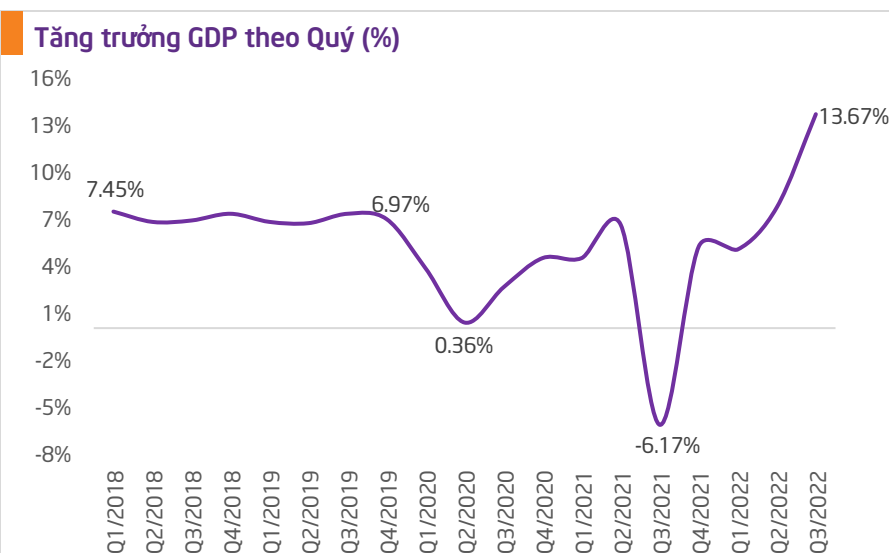
Dự báo tốc độ tăng GDP toàn cầu 2021 và 2022 (%)



Nguồn: MC Kinsey & Company, 2022

TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ 3.2022-ĐẠT 13.67% CAO NHẤT 12 NĂM

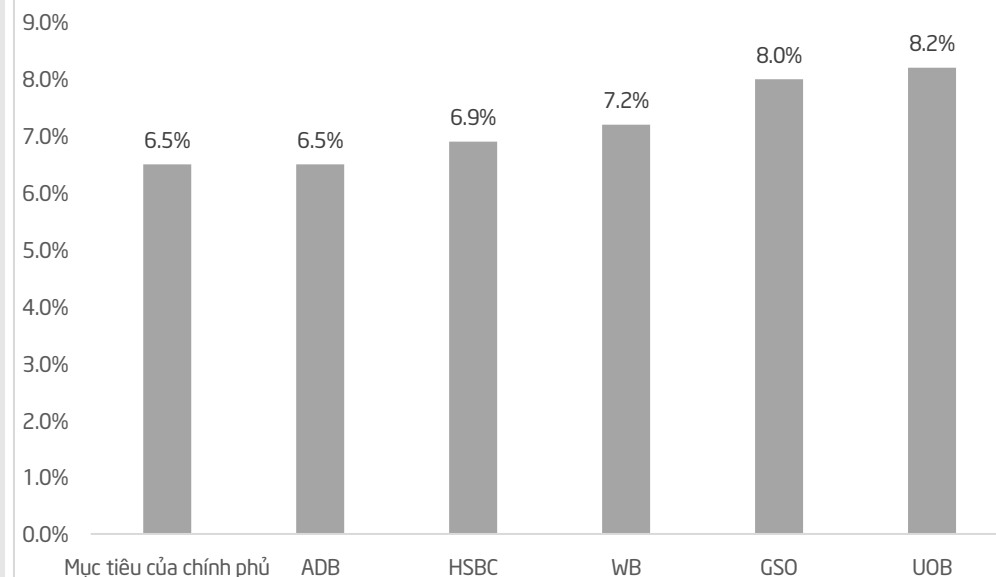
- Tốc độ tăng trưởng GDP quý III.2022 tăng 13.67% YoY**, cao nhất quý III trong giai đoạn 2011 – 2021 do mức nền thấp trong quý III.2021. Trong đó, khu vực Nông lâm thủy sản tăng 3.24% YoY, khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 12.91% YoY, và khu vực dịch vụ tăng 18.86% YoY. Về sử dụng GDP quý II.2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 10.08% YoY – đóng góp 38.21% vào tăng trưởng GDP quý 3.2022, tích lũy tài sản tăng 8.7% - đóng góp 21.13%, xuất khẩu tăng 9.32% YoY, nhập khẩu tăng 2.72% YoY và chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hoá & dịch vụ đóng góp 40.66%.
- Tốc độ tăng trưởng GDP 9T.2022 tăng 8.83% YoY**, cao nhất của 9 tháng giai đoạn 2011 – 2022. Trong đó, khu vực NLTS tăng 2.99% YoY, đóng góp 4.04% vào tốc độ tăng toàn GDP trong 9T.2022; khu vực CNXD tăng 9.44%YoY, đóng góp 41.79%; khu vực dịch vụ tăng 10.57% YoY, đóng góp 54.17%. Về sử dụng GDP 9T.2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 7.26% YoY – đóng góp 44.46% vào tăng trưởng GDP 9T.2022, tích lũy tài sản tăng 5.59% YoY – đóng góp 18.46%, xuất khẩu tăng 8.94% YoY và nhập khẩu tăng 4.74% YoY, chênh lệch xuất nhập khẩu đóng góp 37.08%.
- Theo đánh giá của TPS**, Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều thách thức, Việt Nam được ví như “ngọn hải đăng” với sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch và đạt được kết quả tăng trưởng rất ấn tượng. Kết quả này đạt được là nhờ vào chính sách tài khoá và tiền tệ linh hoạt, tận dụng được thời cơ trong bối cảnh đại dịch và xung đột. Với nhiều yếu tố thuận lợi như lực lượng lao động, vị trí địa lý Việt Nam đã khéo léo vượt qua được khó khăn sau đại dịch để trở thành điểm đến đầu tư lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Tăng trưởng GDP là sự kết hợp của nhiều yếu tố như nội lực trong nước cũng như sự thúc đẩy từ nguồn vốn FDI. Trong thời gian tới, mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu có thể sẽ khó khăn hơn nữa và Việt Nam cũng không thể tránh khỏi xu hướng chung. Tuy nhiên, với chính sách tiền tệ linh hoạt, thị trường tiềm năng, lợi thế về thị trường xuất khẩu khi tham gia nhiều FTA, và thuận lợi về vị trí địa lý trong chiến dịch “Trung Quốc +1” sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao trong khu vực về thu hút FDI trong điều kiện nguồn vốn giá rẻ không còn.



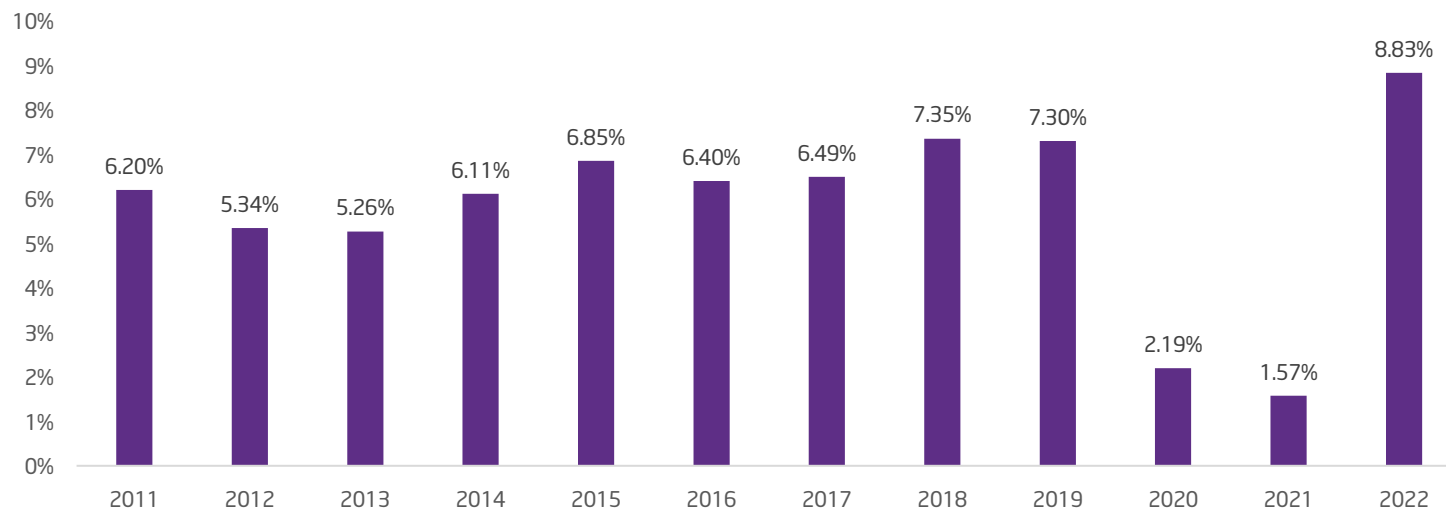
GDP 2022 CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC KỲ VỌNG ĐẠT 8%, CAO NHẤT KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

- GDP 9T.2022 tăng 8.83% YoY, đây là mức tăng cao nhất của 9 tháng giai đoạn 2011 - 2022. Vì thế, tăng trưởng kinh tế cả năm 2022 nhiều khả năng sẽ vượt xa so với mục tiêu đặt ra.
- Nền kinh tế đang trên đà phục hồi, đặc biệt là các ngành dịch vụ. Vì vậy, GSO dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 có thể sẽ đạt 7.5% nếu tăng trưởng GDP quý IV đạt 4.14% hoặc 8% nếu tăng trưởng GDP quý 4 đạt 5.9%. Bên cạnh rất nhiều tổ chức quốc tế đã nâng dự báo của Việt Nam năm 2022, mức dự báo mức GDP tăng trưởng năm 2022 cao nhất có thể lên tới 8.2% của UOB (Singapore).
- **Theo đánh giá của TPS**, sự kết nối của nền kinh tế Việt Nam đối với nền kinh tế thế giới ngày càng tăng lên. Vì vậy, những diễn biến khó lường của nền kinh tế toàn cầu sẽ có tác động tới nền kinh tế Việt Nam. Trong thời gian tới, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro như biến động giá xăng dầu, lương thực, thép, phân bón...Ngoài ra, trong bối cảnh lãi suất toàn cầu ngày càng tăng, thu hút dòng vốn FDI mới và xuất khẩu cũng bị hạn chế. Bên cạnh đó, áp lực tỷ giá và lạm phát cũng làm hạn chế dư địa chính sách của Chính Phủ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, với những kết quả đạt được tính tới thời điểm hiện tại, kịch bản cho GDP trên 7% vẫn rất khả thi.

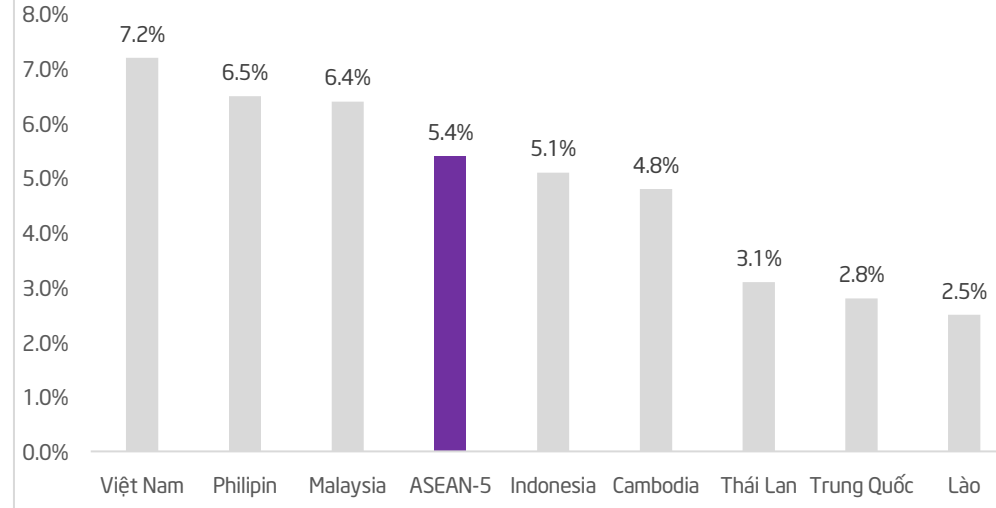
Dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam (%)



Tốc độ tăng GDP 9 tháng



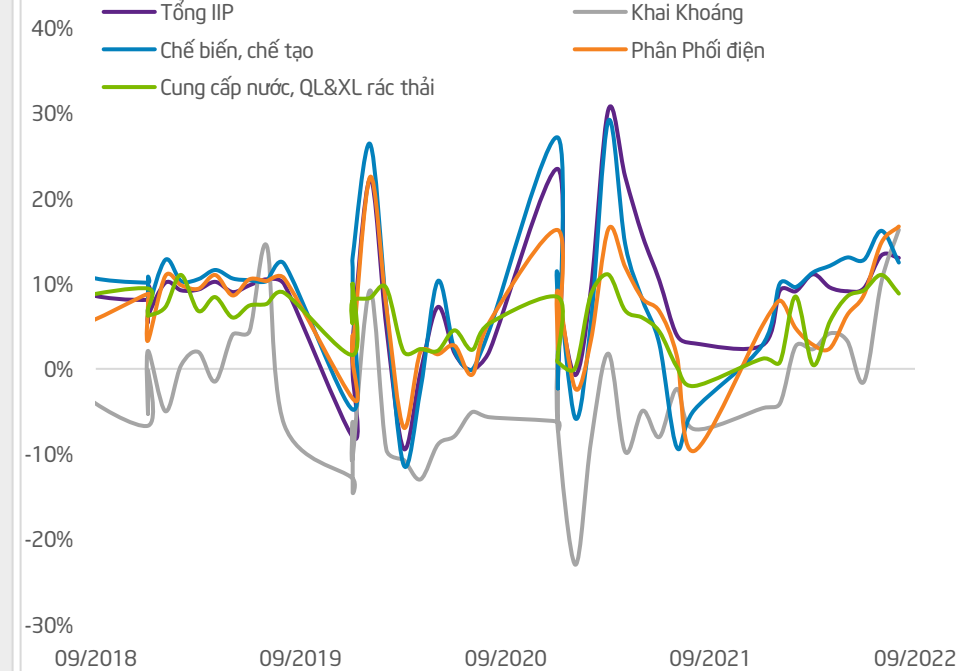
Dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của WB



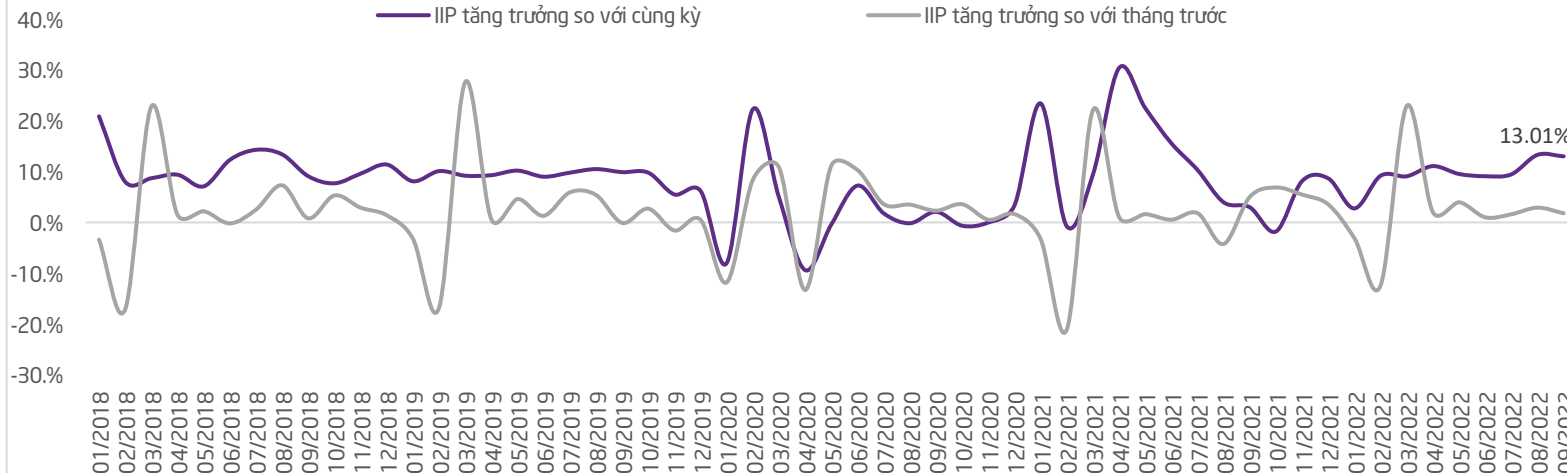
IIP - NGÀNH CÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC TĂNG TỐC Ở HẦU HẾT CÁC ĐỊA PHƯƠNG

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 09.2022 tăng 1.80% MoM, tăng 13.0% YoY. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12.47% YoY, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16.69% YoY, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 8.81% YoY và khai khoáng tăng 16.32% YoY.
- IIP 09T.2022 tăng 9.63% YoY. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tăng 10.69% YoY, đóng góp 2.74 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7.71% YoY, đóng góp 0.31 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7.03% YoY, đóng góp 0.04 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4.42% YoY, đóng góp 0,15 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Một số ngành chủ lực tăng mạnh như: sản xuất đồ uống (+31.9% YoY), sản xuất trang phục (+22.5%), sản xuất da (+20.4%), sản xuất hoá dược (+18.3%), sản xuất thiết bị điện (+17.3%), chế biến gỗ và sản xuất gỗ, tre, nứa (+16.4%). Một số sản phẩm giảm IIP như: sản xuất các sản phẩm từ cao su (-5.43%), sản xuất kim loại (-0.8%).
- Theo đánh giá của TPS, chỉ số IIP vẫn được duy trì ở mức tăng trưởng cao ở tháng thứ 8 liên tiếp. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giữ vai trò duy trì nhịp tăng trưởng cho toàn ngành công nghiệp. Ngoài ra, IIP ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao do thủy điện tăng ở các tỉnh Đắk Lắk (44.4%), Lai Châu (25.6%) và Sơn La (27.5%). IIP được kỳ vọng tiếp tục giữ ở mức tăng trưởng cao ở những tháng cuối năm 2022 khi ngành sản xuất được hồi phục ở hầu hết các ngành và lĩnh vực nhờ sự tăng lên của các đơn hàng trong và ngoài nước cho các ngày lễ cuối năm.

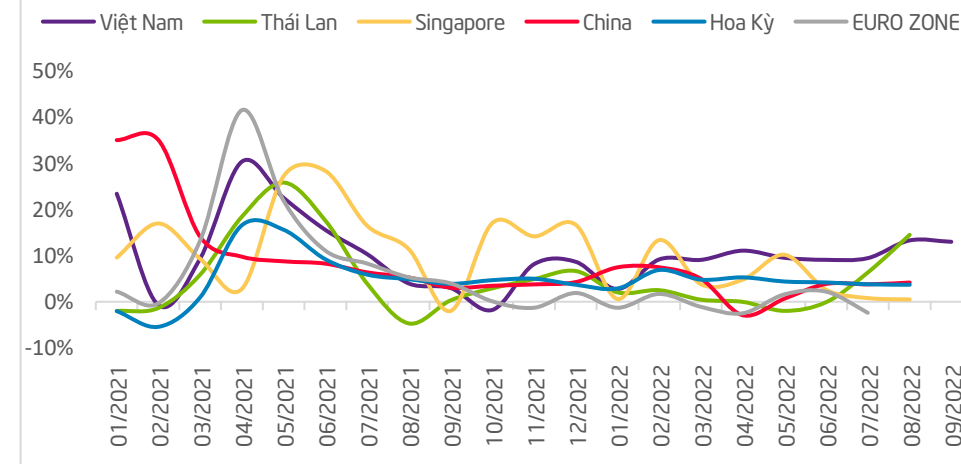
Tốc độ tăng trưởng IIP so với cùng kỳ của một số nhóm



Tốc độ tăng trưởng IIP so với cùng kỳ và so với tháng trước (%)



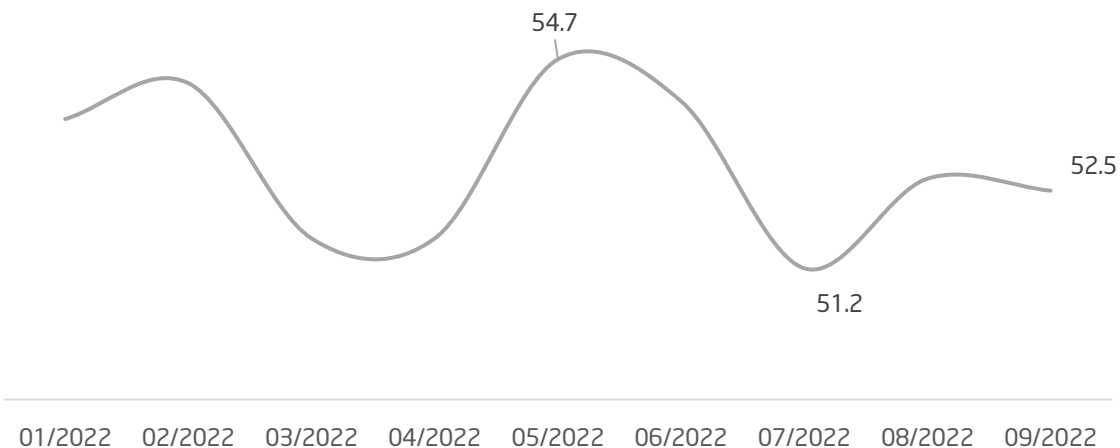
Chỉ số IIP của Việt Nam và các nước khác (%)



PMI TIẾP TỤC DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG

- **Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)** tháng 09 đạt 52.5 điểm, giảm nhẹ so với mức 52.7 điểm của tháng trước đó, Nhưng vẫn duy trì ở mức trên 50 điểm, điều này cho thấy các điều kiện sản xuất kinh doanh tiếp tục được cải thiện và lĩnh vực sản xuất được mở rộng dần trong vòng 1 năm vừa qua. Kết quả khảo sát cho thấy, (1) số lượng đơn hàng mới trong tháng 09 tăng mạnh – tuy nhiên tốc độ có giảm nhẹ so với tháng 08 do nhu cầu yếu đi ở các thị trường xuất khẩu, (2) áp lực chi phí có xu hướng giảm nhờ mức lạm phát thấp hơn nhiều so với các tháng trước, (3) hàng tồn kho ngành sản xuất tiếp tục tăng do số lượng đơn đặt hàng mới và hoạt động mua hàng tăng.
- **PMI của ASEAN.** PMI Asean-6 tháng 09 tăng khá lên 53.5 điểm so với 52.3 điểm ở tháng 08. Trong đó, PMI tăng lên ở 3 quốc gia Thái Lan, Indonesia và Philipine. Ở chiều ngược lại, PMI giảm nhẹ ở 3 quốc gia gồm Malaysia, Việt Nam và Singapore. Một điểm đáng chú ý là PMI của Malaysia và Singapore xuống dưới ngưỡng 50 và ở mức thấp nhất kể từ đầu năm 2022, điều này cho thấy nền sản xuất của 2 quốc gia này đang bị thu hẹp.
- **Theo đánh giá của TPS,** PMI được kỳ vọng tiếp tục duy trì ở mức trên 50 điểm ở những tháng còn lại của năm 2022 khi mà lĩnh vực sản xuất tiếp tục mở rộng để đáp ứng đơn hàng tiếp tục tăng lên cho các dịp lễ đặc biệt cuối năm. Hơn nữa, việc giảm giá xăng trong giai đoạn vừa qua đang tiếp tục lan toả và thấm thấu vào các ngành sản xuất, giúp giảm bớt áp lực chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc giải ngân FDI tăng mạnh trong thời gian gần đây sẽ kéo theo sự phát triển của các ngành phụ trợ, góp phần thúc đẩy tuyển dụng lao động.

Chỉ số quản lý sức mua (PMI) của Việt Nam (Điểm) theo tháng

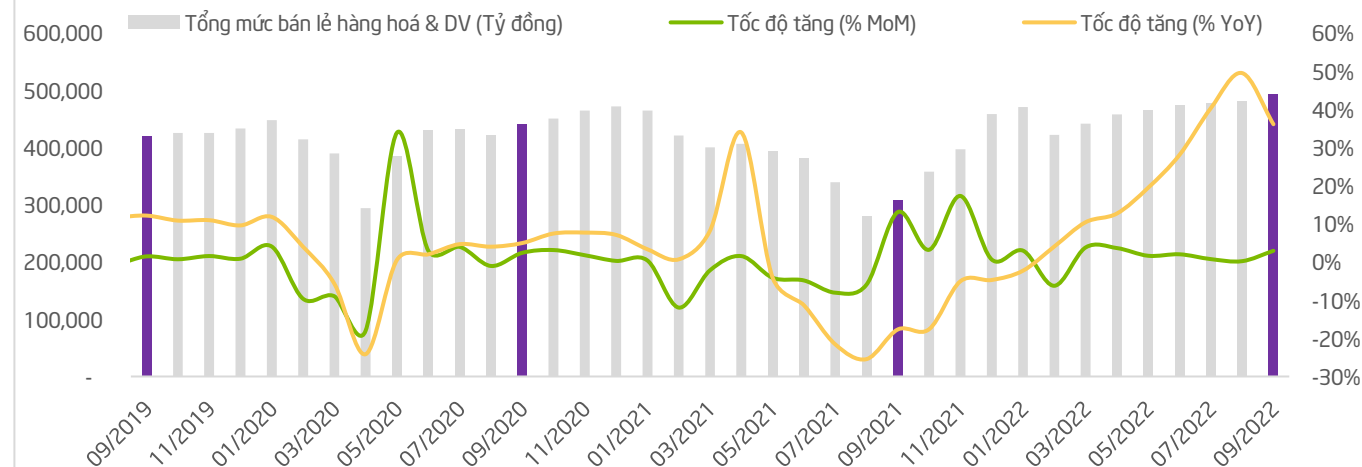


Tháng	Thai Lan	Malaysia	Indonesia	Philippine	Vietnam	Singapore	ASEAN-6
01/2022	51.7	50.5	53.7	50	53.7	50.6	52.7
02/2022	52.5	50.9	51.2	52.8	54.3	50.2	52.5
03/2022	51.8	49.6	51.3	53.2	51.7	50.1	51.7
04/2022	51.9	51.6	51.9	54.3	51.7	50.3	52.8
05/2022	51.9	50.1	50.8	54.1	54.7	50.4	52.3
06/2022	50.7	50.4	50.2	53.8	54.0	50.3	52.0
07/2022	52.4	50.6	51.3	50.8	51.2	50.1	52.2
08/2022	53.7	50.3	51.7	51.2	52.7	50.0	52.3
09/2022	55.7	49.1	53.7	52.9	52.5	49.9	53.5

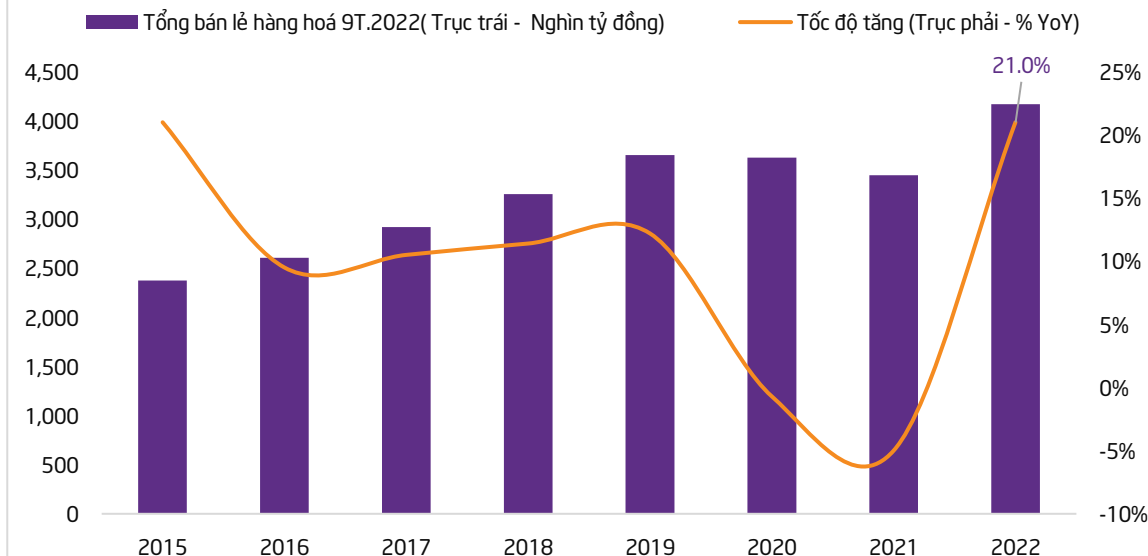
SỨC MUA THÁNG 9 PHỤC HỒI TÍCH CỰC

- **Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng** tháng 09/2022 tăng 2.9% MoM và 36.1% YoY. Quý 3/2022 tăng 3.8% QoQ và 41.7% YoY.
- **Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9T.2022** tăng 21% YoY, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 16.8% YoY. Quy mô và tốc độ tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng 9T.2022 cao hơn so với nhiều năm trở lại đây và tăng 14.2% so với 9T.2019. Kết quả này đạt được một phần là do doanh thu cùng kỳ năm trước đạt thấp vì ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nhu cầu vui chơi và du lịch của người dân tăng cao trong dịp hè.
- **Theo đánh giá của TPS**, mặc dù lãi suất tăng lên có thể làm hạn chế ngân sách của người tiêu dùng. Tuy nhiên, bán lẻ vẫn được kỳ vọng tăng lên do các doanh nghiệp có thể tập trung vào thị trường tiêu thụ trong nước do thị trường xuất khẩu bị giảm tốc. Để thúc đẩy thị trường nội địa, các doanh nghiệp có thể đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hơn cho khách hàng. Mặt khác, thời điểm cuối năm thường có nhiều dịp lễ đặc biệt cũng sẽ khuyến khích tiêu dùng nhiều hơn.

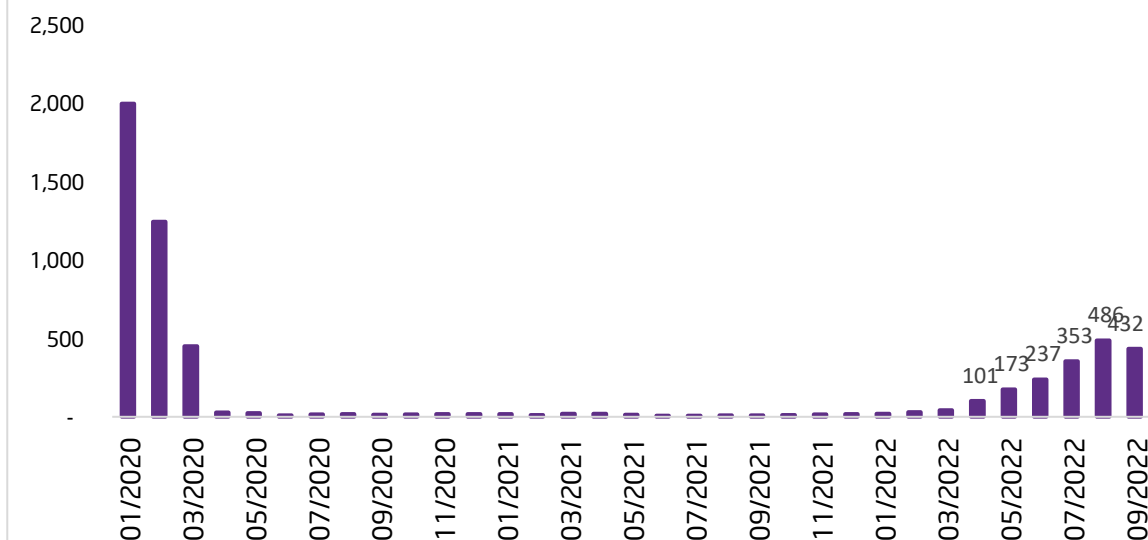
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và Doanh thu DV (trục trái - tỷ đồng), tốc độ tăng (trục phải - %)



Tổng mức bán lẻ 9T.2022 (Tỷ đồng) và tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)



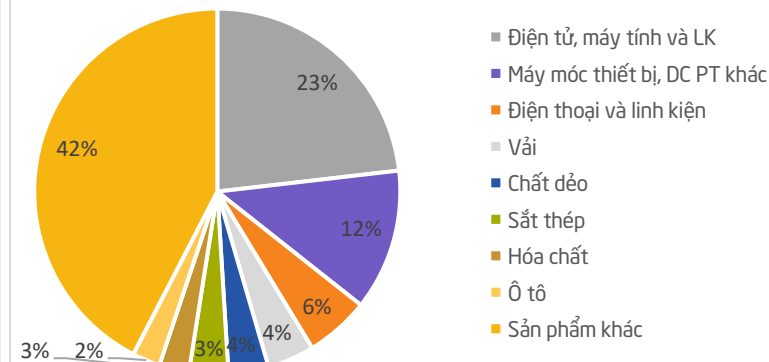
Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng tháng (Nghìn lượt người)



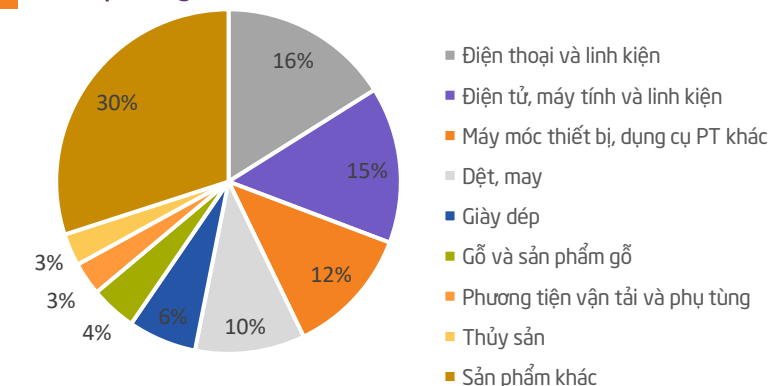
CÁN CÂN THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ 9T.2022 XUẤT SIÊU 6.92 TỶ USD

- **Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá** tháng 09 tăng 10.3% YoY, trong đó khu vực trong nước tăng 7.4% YoY, khu vực FDI tăng 11.4% YoY. Tính chung 9T.2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 17.3% YoY. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 16.4% YoY, chiếm 25.9% tổng kim ngạch xuất khẩu, khu vực FDI tăng 17.6%, chiếm 74.1%. Về cơ cấu xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89%, nhóm nông và lâm sản chiếm 6.6%, nhóm thủy sản chiếm 3% và nhóm nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1.4%. Về thị trường, Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản là thị trường xuất siêu của Việt Nam với kim ngạch ước tính tương ứng là 75.2 tỷ USD, 24.3 tỷ USD và 10 triệu USD.
- **Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá** tháng 09 tăng 6.4% YoY, trong đó khu vực trong nước tăng 14.2% và khu vực FDI tăng 2.8%. Tính chung 9T.2022, kim ngạch nhập khẩu tăng 13.0% YoY, trong đó khu vực trong nước tăng 13.6% và khu vực FDI tăng 2.8%. Về cơ cấu, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất, chiếm tới 93.9% tổng kim ngạch nhập khẩu 9T.2022, và nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng khoảng chiếm khoảng 6.1%. Về thị trường, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN và Nhật Bản là thị trường nhập siêu của Việt Nam. Trong đó, nhập siêu từ Trung Quốc tăng 21.3% YoY, Hàn Quốc tăng 20.8% YoY, ASEAN giảm 1.6% YoY.
- **Cán cân thương mại hàng hoá 9T.2022** xuất siêu 6.92 tỷ USD, trong đó khu vực trong nước nhập siêu 22.89 tỷ USD, khu vực FDI xuất siêu 29.41 tỷ USD.
- **Theo đánh giá của TPS**, việc Fed và ngân hàng nhà nước ở nhiều quốc gia liên tục tăng lãi suất đã làm cho nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của các quốc gia này suy giảm. Vì vậy, mặc dù được thúc đẩy từ nhu cầu tiêu dùng các dịp lễ cuối năm, nhưng những tháng tới xuất khẩu có thể không được khả quan như trước đây. Tuy nhiên, việc Trung Quốc đang xem xét về vấn đề chiến lược chống dịch Covid-19 và kỳ vọng Fed sẽ giảm bớt cường độ tăng lãi suất khi UNCTAD quan ngại về những tác động tiêu cực lên các nước đang phát triển khi các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất.

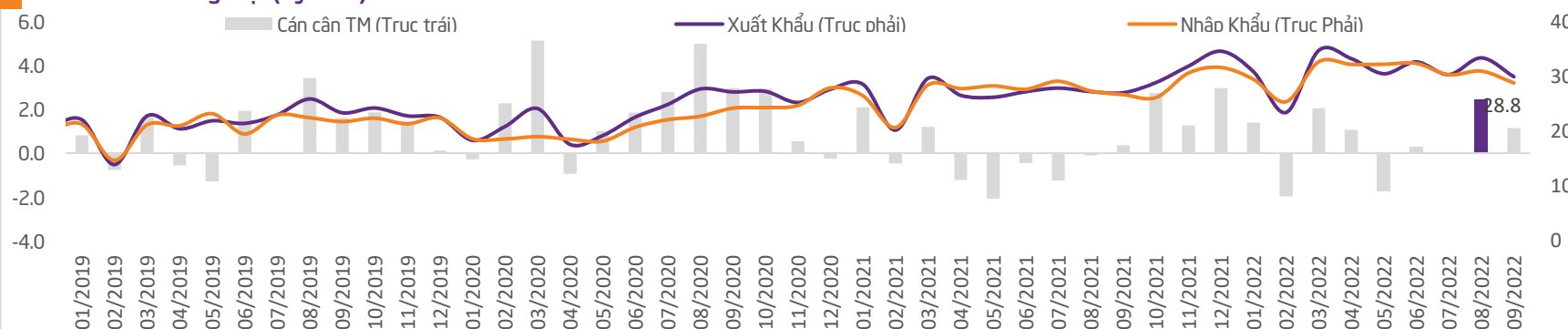
Các mặt hàng nhập khẩu chính 09T.2022



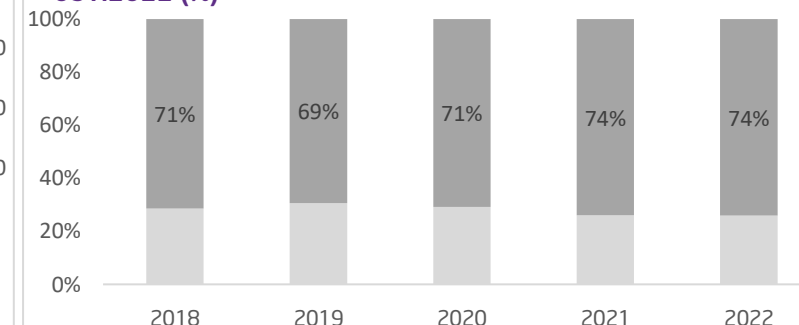
Các mặt hàng xuất khẩu chính 09T.2022



Cán cân thương mại (Tỷ USD)



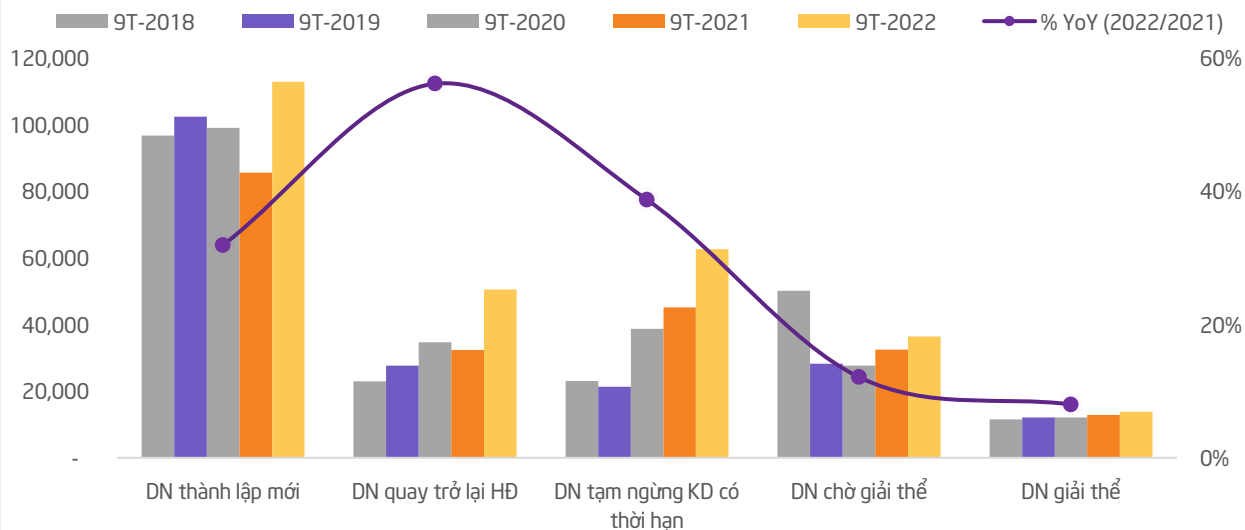
Cơ cấu xuất khẩu theo loại hình doanh nghiệp 09T.2022 (%)



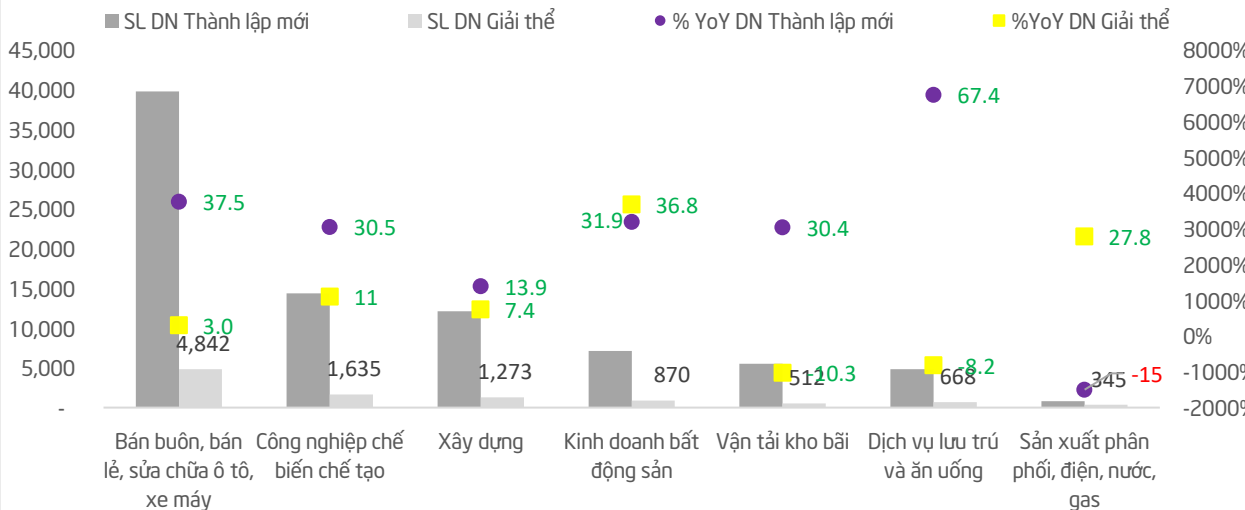
SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI 09T.2022 TĂNG 31.1% YoY

- Trong tháng 09, số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 11,466 doanh nghiệp, giảm 3.8% MoM, tăng 194.1% YoY. Tính chung 09 tháng, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 31.9% YoY. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5.3%YoY, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 20.8% YoY và khu vực du lịch tăng 36.8%. Bình quân 1 tháng có 18.1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.
- Trong tháng 09, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn đạt 2,935 doanh nghiệp, giảm 21.9% MoM và tăng 31% YoY. Tính chung 9 tháng, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tăng 38,7% YoY, số lượng ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể tăng 12.1% YoY, số lượng doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tăng 8%. Bình quân một tháng có 12.5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.
- Theo đánh giá của TPS**, dòng vốn FDI đang có xu hướng tăng lên ở các quốc gia ASEAN. Trong khi đó, Việt Nam đang có rất nhiều dư địa về cải thiện điều kiện trong nước và lợi thế cạnh tranh hơn nhiều nước trong khu vực để thu hút nguồn FDI. Xu hướng khởi nghiệp, thành lập các doanh nghiệp SME đang ngày một tăng lên. Đặc biệt, trong mấy tháng gần đây, Việt Nam đang trở thành điểm đến của rất nhiều dòng vốn FDI lớn như Apple, Samsung và Goolge sẽ kéo theo nhiều ngành phụ trợ cũng như tạo thu nhập cho người lao động làm chất xúc tác cho ngành bán lẻ. Với những yếu tố thuận lợi trên, số lượng doanh nghiệp thành lập mới được kỳ vọng sẽ tăng lên trong thời gian tới.

Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp 9T.2022 (Doanh nghiệp)



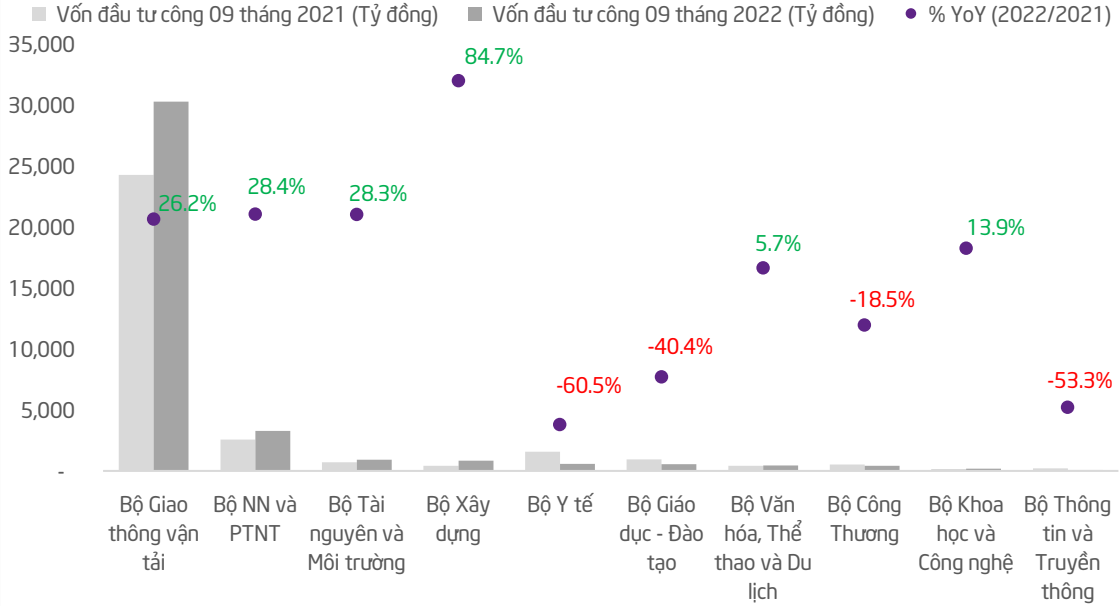
DN thành lập mới và giải thể 9T. 2022 (trục trái - DN) và tốc độ tăng trưởng (trục phải - %)



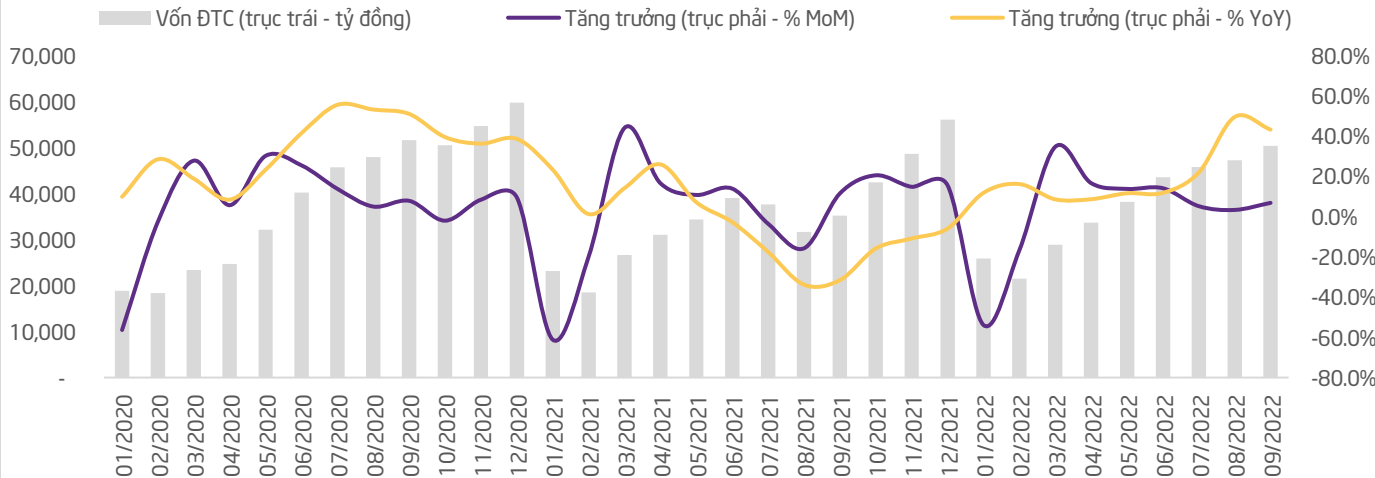
VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẢI THIẾN TÍCH CỰC THÁNG 09

- Giải ngân đầu tư công** tháng 09.2022 ước đạt 50.3 nghìn tỷ đồng, tăng 6.69% MoM và 42.99% YoY. Tính chung 9T.2022, giải ngân đầu tư công ước đạt 334.5 nghìn tỷ đồng, tăng 19.58% YoY và đạt 58.7% kế hoạch. Trong đó, bộ xây dựng tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng giải ngân cao nhất, tăng 84.7% YoY. Ngược lại, bộ Y tế, bộ truyền thông và bộ giáo dục – đào tạo đang có tốc độ giải ngân chậm lại. Như vậy, sự tăng tốc giải ngân ở quý 3 đã góp phần cải thiện kết quả giải ngân vốn đầu tư công của 9T.2022.
- Theo đánh giá của TPS**, đầu tư công đóng vai trò rất quan trọng trong việc thu hút nguồn vốn FDI. Vì vậy, trong bối cảnh FDI giải ngân tăng mạnh và FDI đăng ký ngày càng trở nên cạnh tranh thì việc tăng tốc đầu tư công là rất cần thiết. Ngoài ra, với vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề khác và bệ đỡ sự phát triển của nền kinh tế như tạo thu nhập cho người tiêu dùng và tổng cầu cho nền kinh tế. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ được tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ trong thời gian tới. Điều này không chỉ góp phần làm cho sự kết nối giữa các vùng trong nước, của Việt Nam với các quốc gia trong vùng và thế giới trở nên chặt chẽ hơn, chi phí và thời gian vận chuyển hàng hoá cũng được giảm xuống, tăng lợi thế cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực.

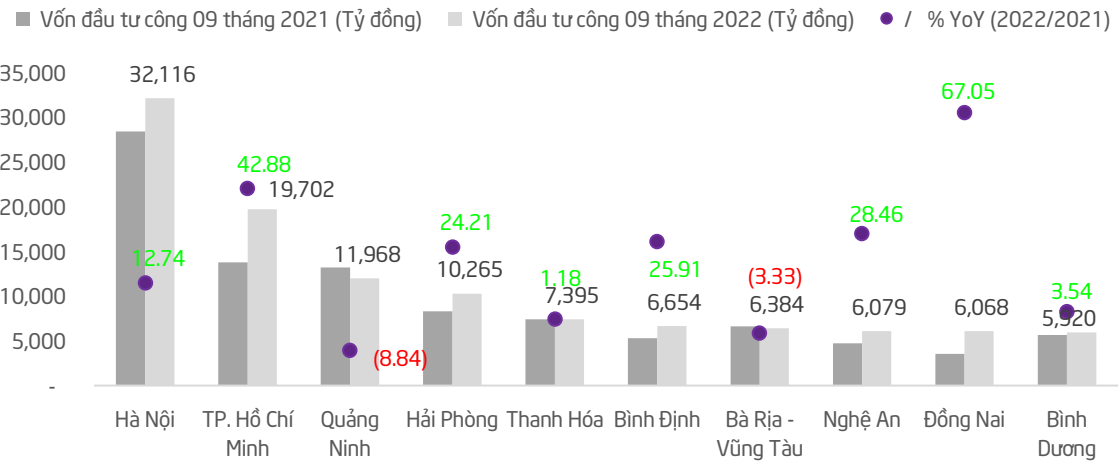
Giải ngân vốn đầu tư công 9T.2022 phân theo Bộ, ngành



Vốn đầu tư công giải ngân theo tháng và tốc độ tăng trưởng



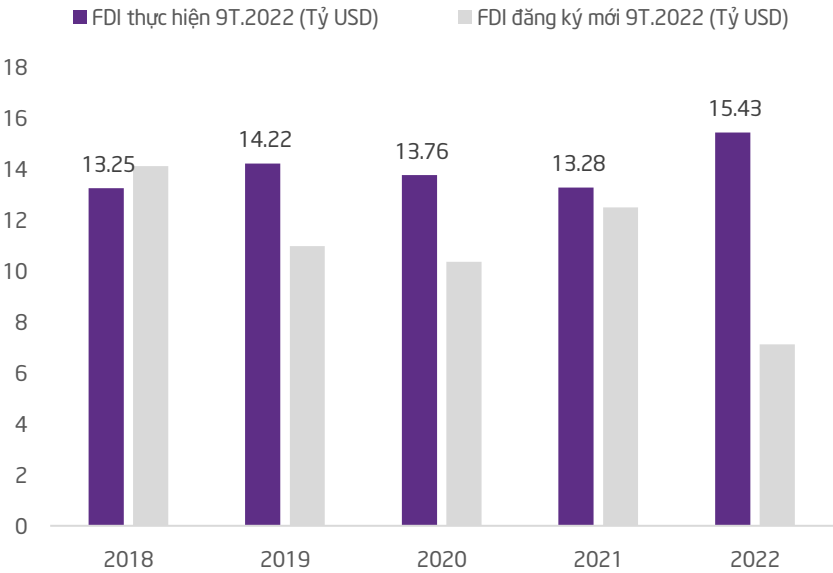
Giải ngân vốn đầu tư công 9T.2022 của một số địa phương



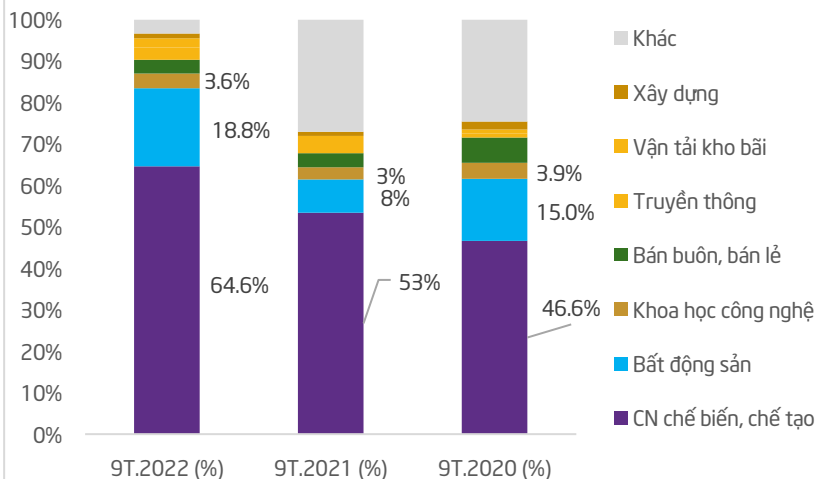
GIẢI NGÂN FDI TIẾP TỤC TĂNG MẠNH

- 9T.2022, vốn đăng ký cấp mới đạt 7.12 tỷ USD, giảm 43% YoY. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 68.4% tổng vốn đăng ký cấp mới, bất động sản chiếm 17.2% và các ngành còn lại chiếm khoảng 14.4%. Trong 63 quốc gia được cấp phép mới tại Việt Nam trong 9T.2022, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất, chiếm 20.4% tổng vốn đăng ký cấp mới. Kế tiếp là Đan Mạch (chiếm 18.5%), Nhật Bản (13%), Hàn Quốc (10.5%) và Trung Quốc (10.3%) và HongKong (8.6%).
- 9T.2022, giải ngân FDI ước đạt 15.43 tỷ USD, tăng 16.3% YoY. Đây là số vốn FDI cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua (2018 – 2022). Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 78.1% tổng vốn FDI thực hiện, bất động sản chiếm 8.6% và sản xuất, phân phối điện, khí đốt chiếm 7.5%.
- Theo đánh giá của TPS, ngoại trừ Đan Mạch và Đài Loan thì hầu hết các quốc gia khác như Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Đặc khu Hồng Kông và Hàn Quốc đều giảm FDI đăng ký vào Việt Nam ở năm 2022 so với 2 năm trước đó. Tuy nhiên, đây là xu hướng chung của toàn cầu khi lãi suất của nhiều quốc gia không ngừng tăng lên. Điểm sáng của năm 2022 là FDI giải ngân tiếp tục tăng mạnh kể từ đầu, chủ yếu là từ các quốc gia như Singapore và Hàn Quốc. Điều này cho thấy rằng, nhà đầu tư nước ngoài rất kỳ vọng vào nền kinh tế của Việt Nam. Với mức FDI đăng ký của năm 2021 khá cao, chúng tôi kỳ vọng FDI giải ngân trong những tháng tiếp theo của năm 2022 sẽ tiếp tục tăng mạnh.

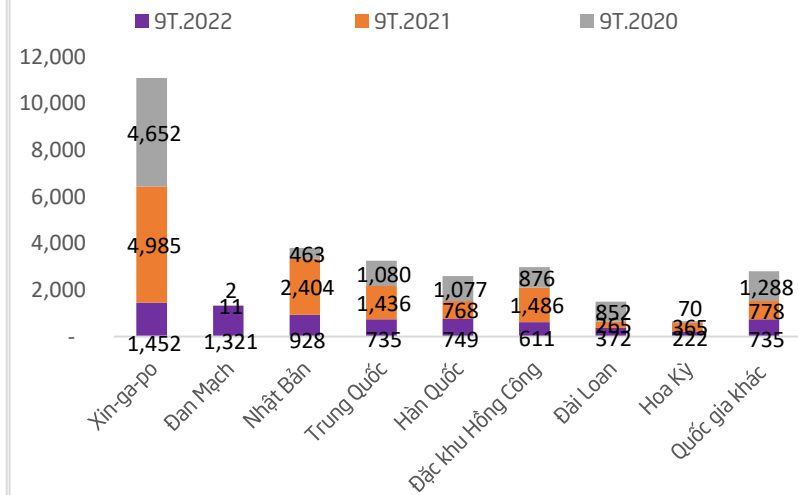
FDI thực hiện và đăng ký mới 2018-2022



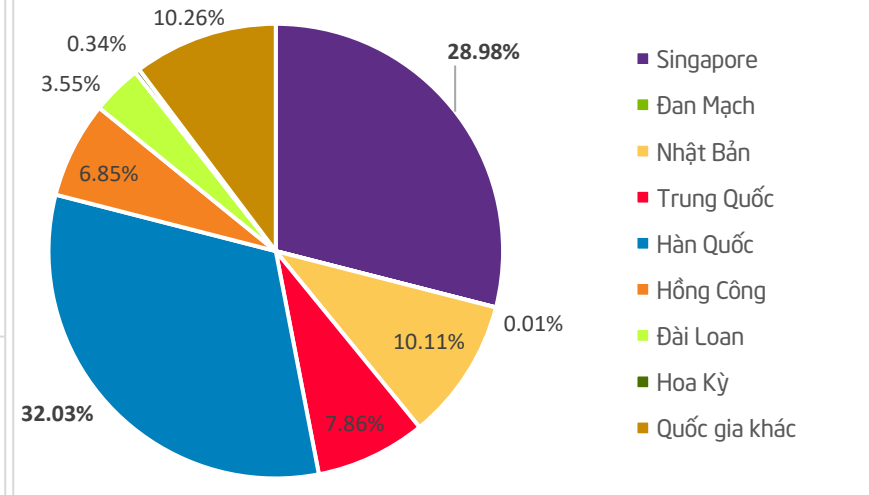
Tỷ trọng FDI đăng ký 9 tháng đầu năm theo ngành (%)



Vốn đăng ký cấp mới 9 tháng đầu năm (Triệu USD)



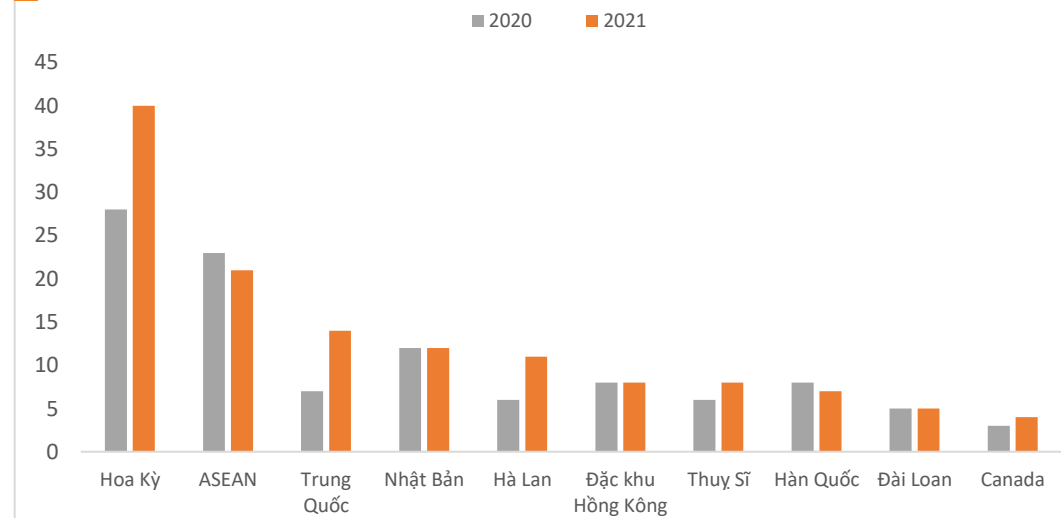
Tỷ trọng vốn FDI điều chỉnh 09T.2022 theo quốc gia (%)



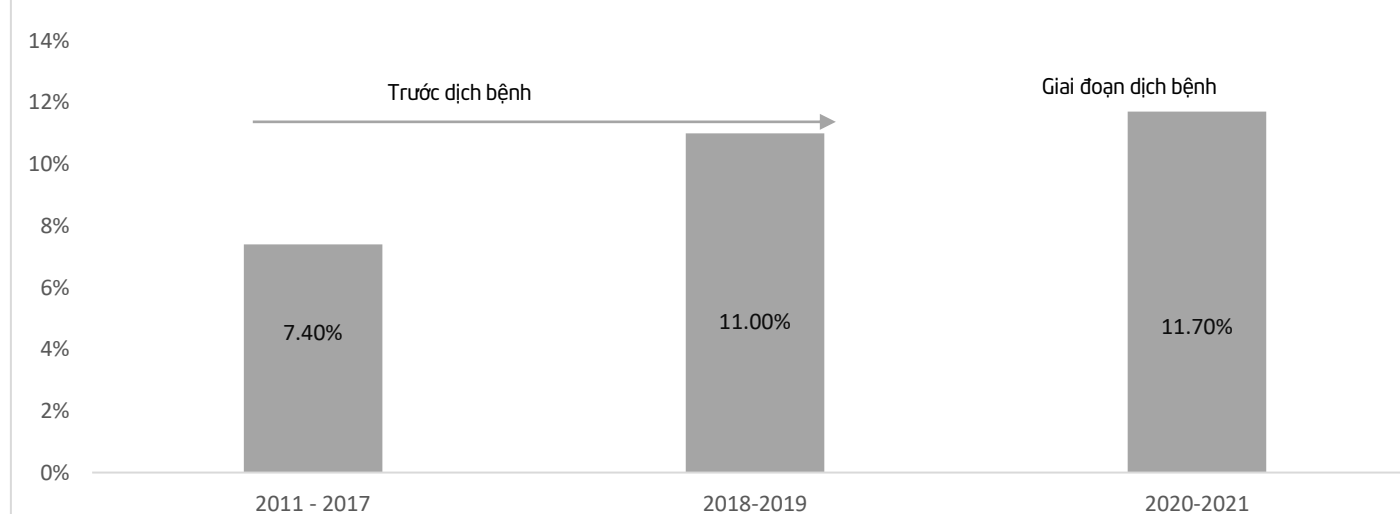
TRIỂN VỌNG TƯƠI SÁNG VỀ DÒNG VỐN FDI VÀO VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

- Dòng vốn FDI vào ASEAN có xu hướng tăng mạnh kể từ năm 2018 đến nay. Trong giai đoạn 2020 – 2021, mặc dù bị tác động của dịch Covid-19 và làn sóng tăng lãi suất đang diễn ra trên toàn cầu, nhưng tỷ trọng dòng vốn FDI đổ vào ASEAN trong tổng FDI toàn cầu vẫn được duy trì rất tốt và có xu hướng tăng nhẹ. Điều này cho thấy rằng, ASEAN vẫn là điểm đến lý tưởng cho dòng vốn FDI trong thời gian tới, đặc biệt là dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, và EU.
- Việt Nam đứng thứ 3 trong ASEAN về thu hút dòng vốn FDI. Hiện tại, dòng FDI tới Việt Nam chủ yếu vẫn từ các quốc gia Châu Á như Hàn Quốc, Singapore và Nhật Bản. Tuy nhiên, dòng vốn từ Châu Âu đã bắt đầu tăng lên kể từ đầu năm 2022. Với lợi thế về vị trí địa lý, dân số, thị trường và nguồn năng lượng tái tạo dồi dào, nguồn FDI chất lượng cao từ các quốc gia EU và Hoa Kỳ được kỳ vọng sẽ tăng lên trong thời gian tới, khi mà làn sóng tăng lãi suất không còn căng thẳng như hiện nay và các cơ sở hạ tầng của Việt Nam ngày càng được cải thiện

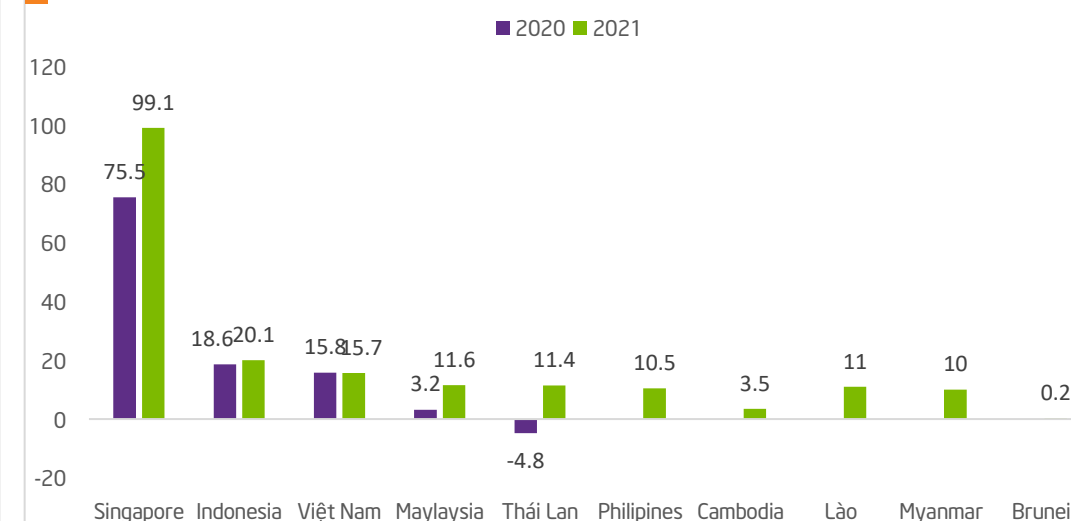
Top 10 quốc gia đầu tư FDI vào ASEAN (Tỷ USD)



Tỷ trọng vốn FDI vào ASEAN trong tổng FDI toàn cầu (%)



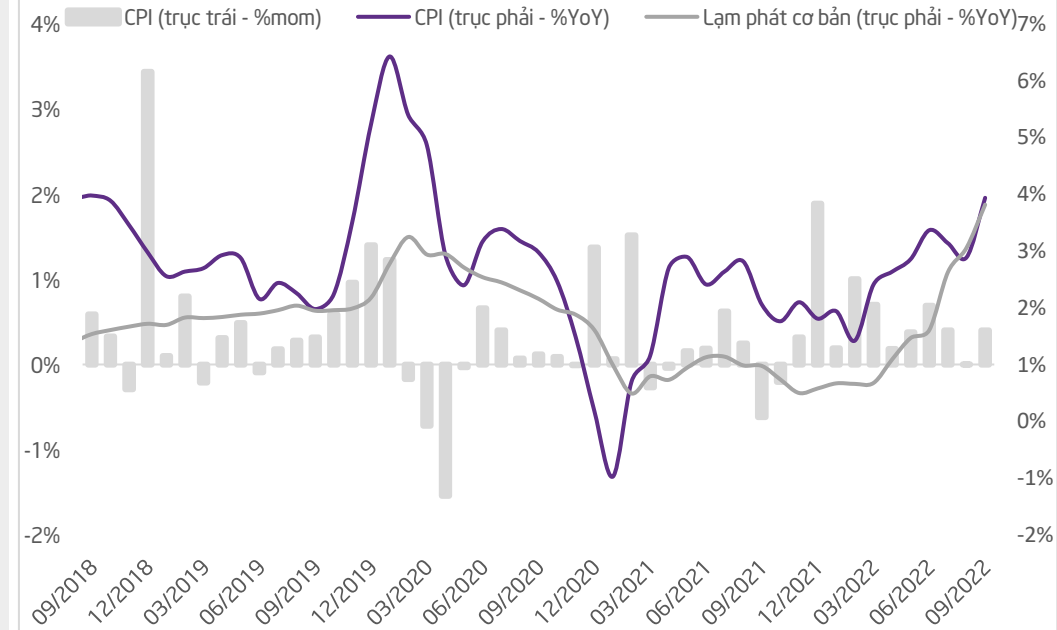
Dòng vốn FDI đổ theo quốc gia giá ASEAN - 10 (Tỷ USD)



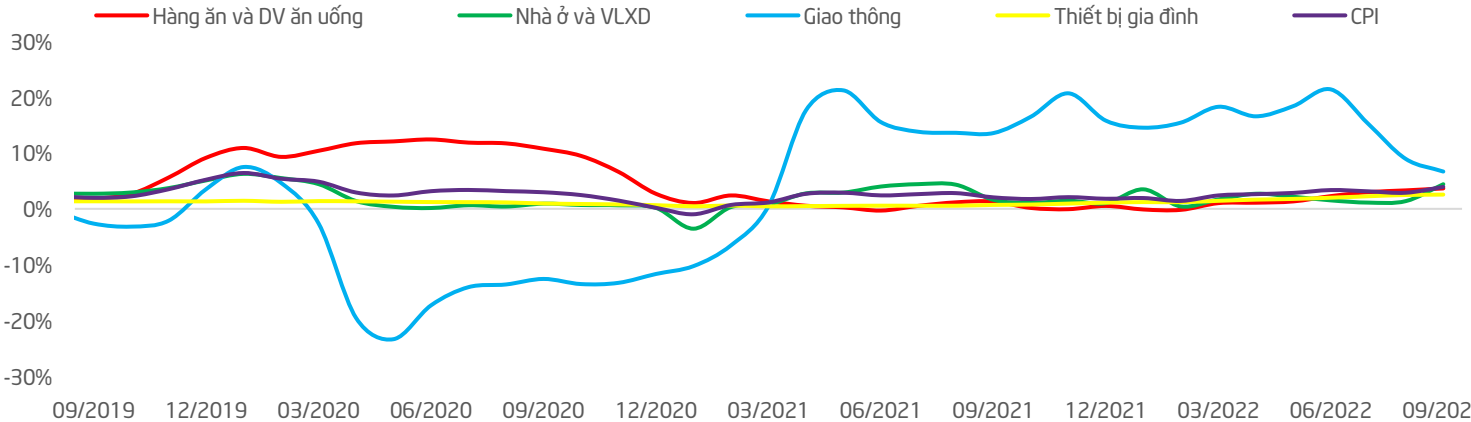
GIÁ CẢ ĐƯỢC KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH, ÁP LỰC LẠM PHÁT GIẢM DẦN

- **CPI** tháng 9.2022 tăng 0.4% MoM và 3.94% YoY. So với cùng kỳ, có 10 nhóm hàng hoá tăng giá, chỉ 01 nhóm bưu chính viễn thông giảm giá do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm. Trong các nhóm tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất do một số tỉnh trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí.
- **CPI 9T.2022** tăng 2.73%YoY. Nguyên nhân làm tăng CPI trong 9T.2022 gồm: (1) bình quân 9 tháng giá xăng dầu tăng 41.07% sau 25 đợt điều chỉnh giá xăng (11 đợt giảm giá) làm CPI chung tăng 1.48 điểm phần trăm, giá gas trong nước tăng theo giá ga thế giới, giá ăn uống ngoài gia đình tăng, giá vật liệu bảo dưỡng nhà tăng do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo nguyên nhiên liệu đầu vào, giá gạo trong nước tăng theo giá gạo thế giới.
- **Lạm phát cơ bản** tháng 9.2022 tăng 0.47% MoM, tăng 3.82% YoY. Bình quân 9 tháng 2022, lạm phát cơ bản tăng 1.88% YoY, thấp hơn mức CPI bình quân chung (+2.73% YoY) cho thấy rằng biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng, dầu.
- **Theo đánh giá của TPS**, Tính tới thời điểm hiện tại mặt bằng giá cả vẫn được kiểm soát tốt. Tuy nhiên áp lực lạm phát cho các tháng cuối năm vẫn còn nhiều rủi ro khó lường ở phía trước. Mặc dù dịch Covid-19 đã được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến khá phức tạp, xung đột Nga-Ukraina ngày càng căng thẳng và khó dự đoán, OPEC+ kế hoạch cắt giảm sản lượng dầu, vấn đề tỷ giá ngày càng căng thẳng, thiên tai diễn ra trên diện rộng ảnh hưởng tới an ninh lương thực toàn cầu. Ngoài ra, quyết định tăng giá điện và tiền lương cơ bản có thể tạo ra áp lực lạm phát trong thời gian tới.

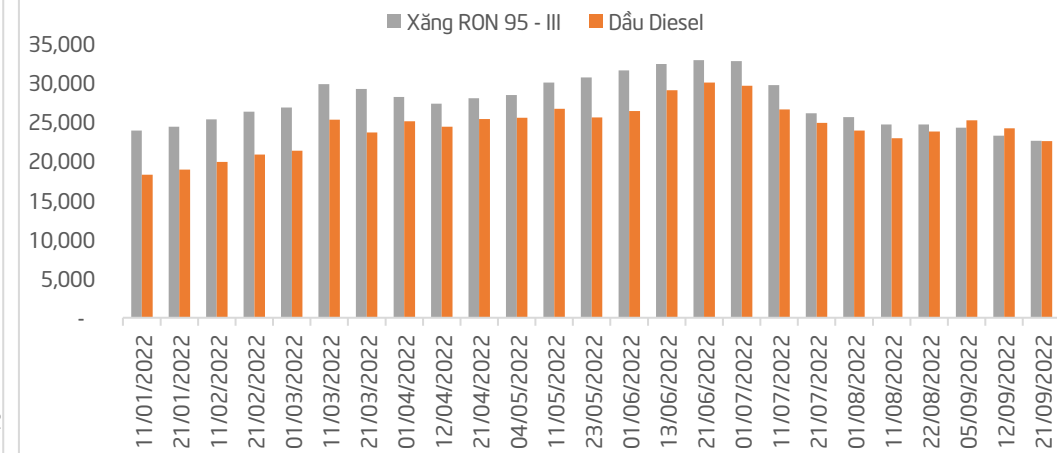
Chỉ số CPI so với tháng trước và so với cùng kỳ (%)



Tăng trưởng CPI của một số nhóm ngành chính (YoY%)



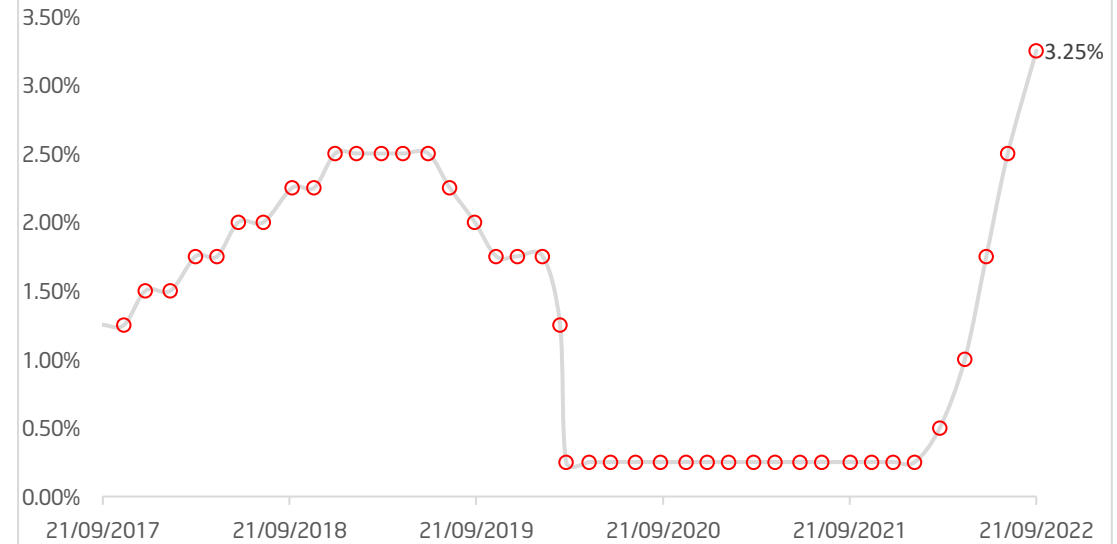
Diễn biến giá xăng 9T.2022 (VNĐ/Lít)



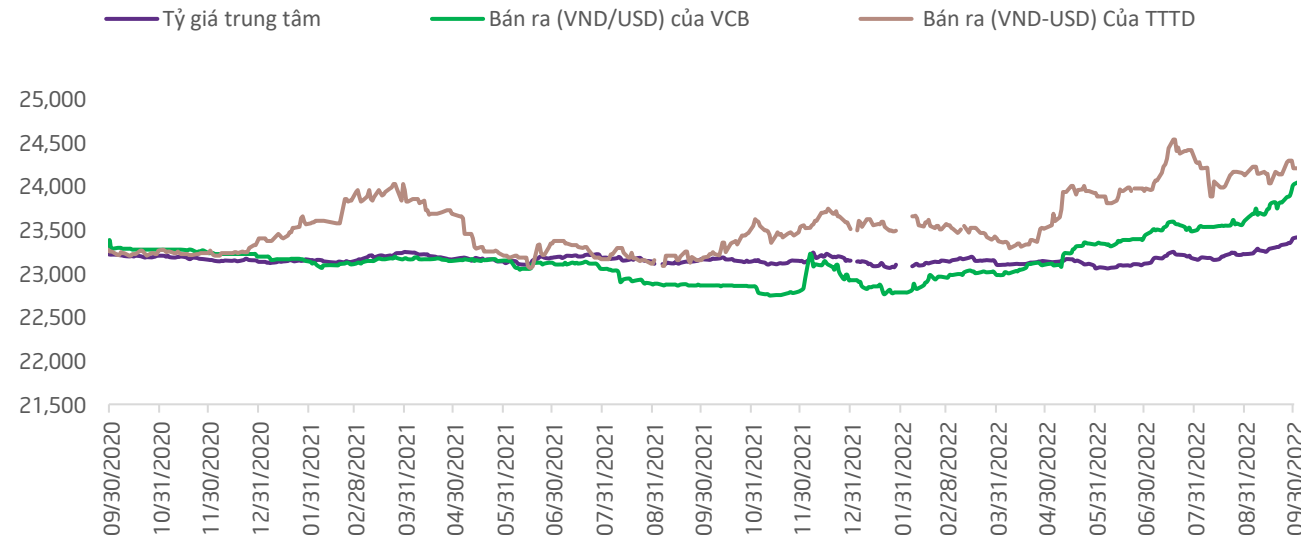
TỶ GIÁ TĂNG MẠNH SAU QUYẾT ĐỊNH TĂNG LÃI SUẤT CỦA FED

- Sau quyết định tăng lãi suất của Fed ngày 21/09/2022 từ mức 2.5% lên 3.5%/năm đã làm cho đồng USD tiếp tục tăng lên, kéo theo tỷ giá của USD/VND cũng không ngừng tăng lên. Cụ thể, so với đầu năm, tỷ giá NHTM tăng 5% so với đầu năm và 1.4% so với đầu tháng. Lần đầu tiên trong lịch sử, tỷ giá USD/VND vượt 24,000 vào ngày 30/09/2022.
- Theo đánh giá của TPS, FED vẫn giữ quan điểm tiếp tục tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát trong thời gian tới. Tuy nhiên, sau báo cáo của Liên Hợp Quốc (UNCTAD) kêu gọi Fed và các NHTW dừng tăng lãi suất chúng tôi dự báo Fed vẫn tiếp tục tăng lãi suất, tuy nhiên, mức độ sẽ nhẹ nhàng hơn trước đây, điều này sẽ giảm bớt áp lực đang ngày càng tăng của tỷ giá. Trong thời gian tới, tỷ giá USD/VND là tham chiếu quan trọng tác động tới điều hành chính sách của chính phủ. Chúng tôi kỳ vọng áp lực về tỷ giá sẽ bớt căng thẳng khi nguồn ngoại tệ tiếp tục được tăng lên do giải ngân FDI tăng mạnh và cán cân thương mại vẫn duy trì được xuất siêu 6.92 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm

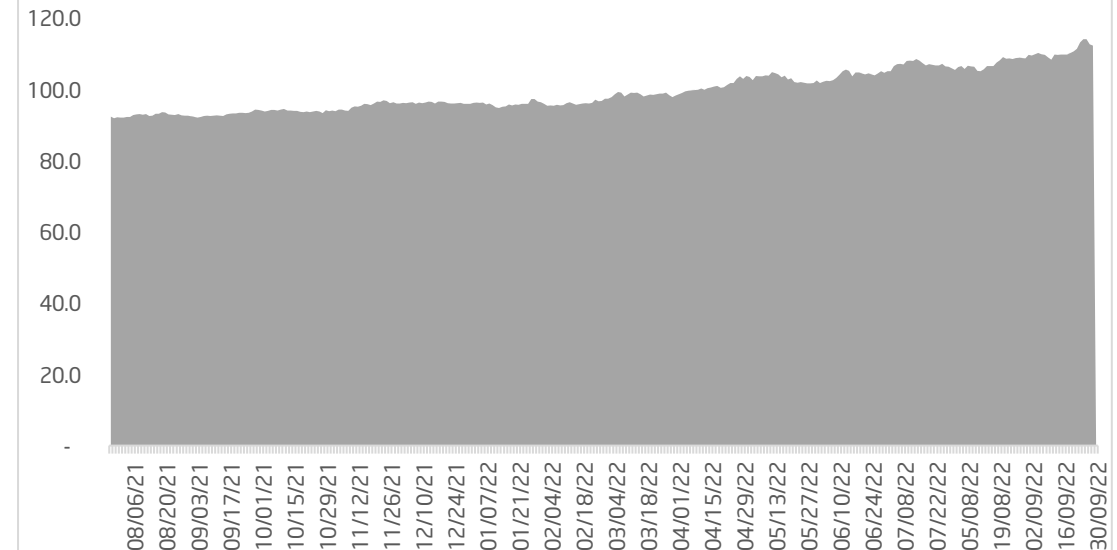
Lãi suất chính sách của Fed (%)



Tỷ giá trung tâm, tỷ giá bán USD của VCB và Thị trường tự do (VND/USD)



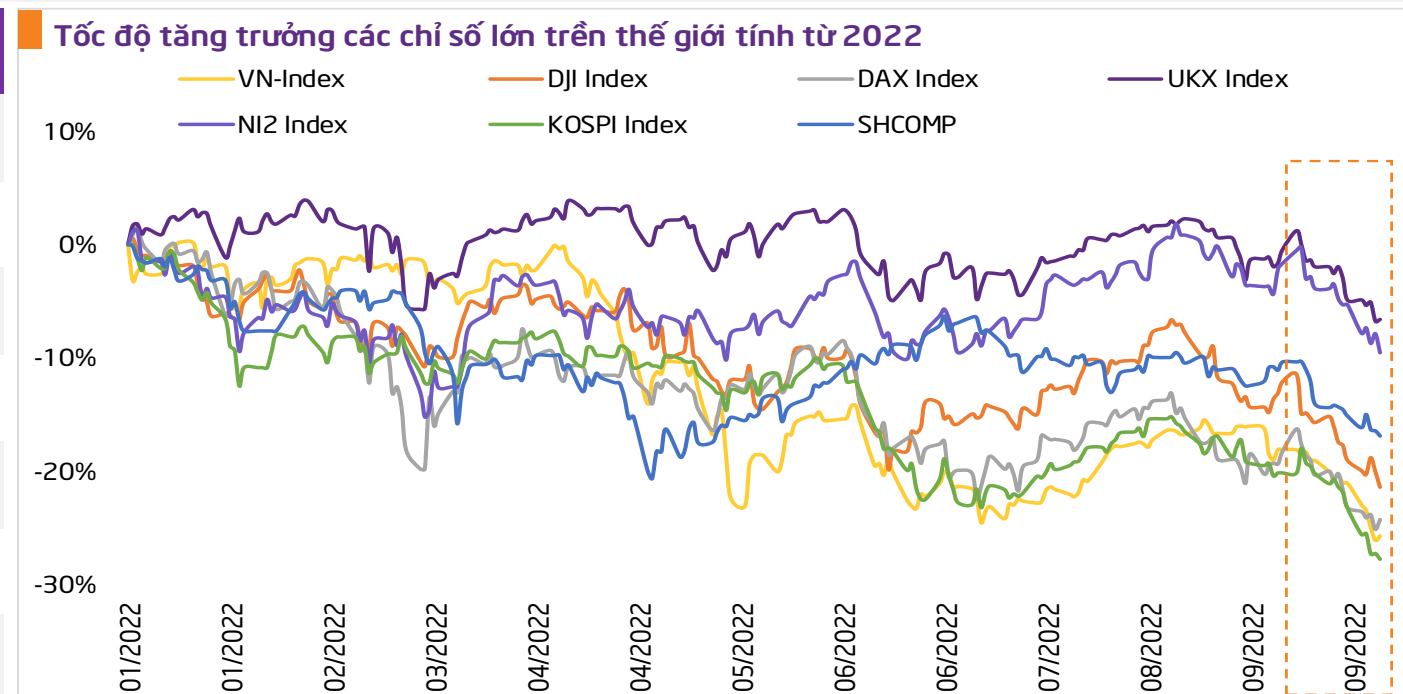
Chỉ số đồng Dollar (DXY)



VN-INDEX ĐIỀU CHỈNH CÙNG THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

- Sau nỗ lực công phá không thành công ngưỡng cản quan trọng 1,300 điểm, VN-Index nhanh chóng sụt giảm trở lại tương tự như giai đoạn tháng 06/2022. Tuy nhiên ở lần điều chỉnh này, đà giảm đã khốc liệt hơn khiến chỉ số xuyên thủng vùng đáy tháng 07/2022 (tương đương mức 1,150 điểm). Kết thúc tháng 09, VN-Index giảm gần 150 điểm, tương ứng giảm 11.6% so với thời điểm cuối tháng 8 và gia tăng mức giảm lên thành 24.4% so với đầu năm.
- Đáng chú ý, sự lao dốc của VN-Index cũng diễn ra tương tự với các thị trường chứng khoán thế giới. Xét về yếu tố vĩ mô, có thể thấy việc theo đuổi chính sách “điều hòa” của Fed đã ảnh hưởng đến tâm lý giao dịch của nhà đầu tư và khiến họ bán ròng như một cách phòng thủ trước khi cuộc họp FOMC diễn ra. Bùng nổ hơn cả là khi kết quả của cuộc họp được công bố, Fed đã gia tăng lãi suất mục tiêu từ mức 4% lên 4.4% và chính sách thắt chặt tiền tệ sẽ chỉ hạ nhiệt từ năm 2024. Điều này đã tác động mạnh đến kỳ vọng của nhà đầu tư và gây ra tình trạng “bán tháo” mạnh trên toàn cầu, trong đó có thị trường chứng khoán Việt Nam và khiến chỉ số chung là VN-Index xuyên thủng mức đáy cũ 1,150 điểm để tiến về sát ngưỡng 1,100 điểm.
- Bước sang tháng 10/2022, chúng tôi kỳ vọng đà giảm sẽ chững lại và thị trường sẽ có nhịp hồi phục trong ngắn hạn sau khi đã sự suy giảm mạnh trước đó tương tự như giai đoạn tháng 07-08/2022. Bên cạnh đó, giai đoạn nửa đầu tháng 10/2022 được đánh giá là vùng trũng thông tin giúp thị trường hồi phục trở lại. Tuy nhiên, rủi ro của thị trường giai đoạn cuối tháng sẽ tăng cao khi hạn công bố kết quả kinh doanh Q3.22 và cuộc họp FOMC tiếp theo tới gần.

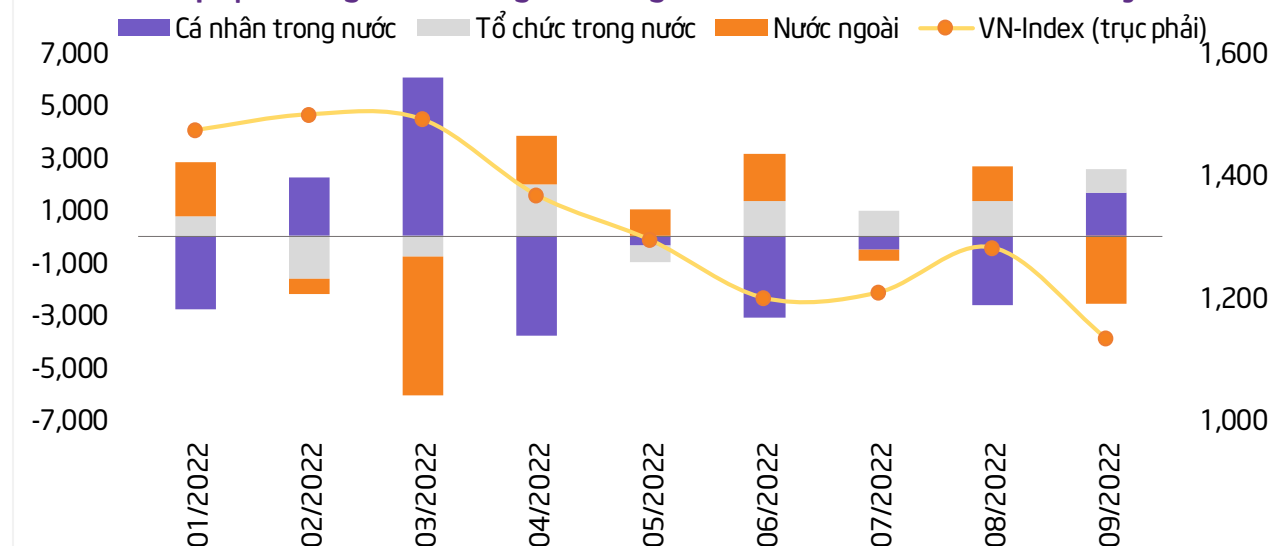
Index	Price	% MoM	% 3M	% YoY	% YTD
VN-Index	1,132	-11.6%	-5.5%	-15.5%	-24.4%
Dow Jones	28,726	-8.8%	-6.7%	-15.1%	-20.9%
DAX	12,114	-5.6%	-5.2%	-20.6%	-23.7%
FTSE 100	6,894	-5.4%	-3.8%	-2.7%	-6.6%
NI225	25,937	-7.7%	-1.7%	-12.5%	-9.2%
KOSPI	2,155	-12.8%	-7.8%	-29.8%	-27.6%
SHANGHAI	3,024	-5.6%	-10.6%	-15.2%	-16.9%



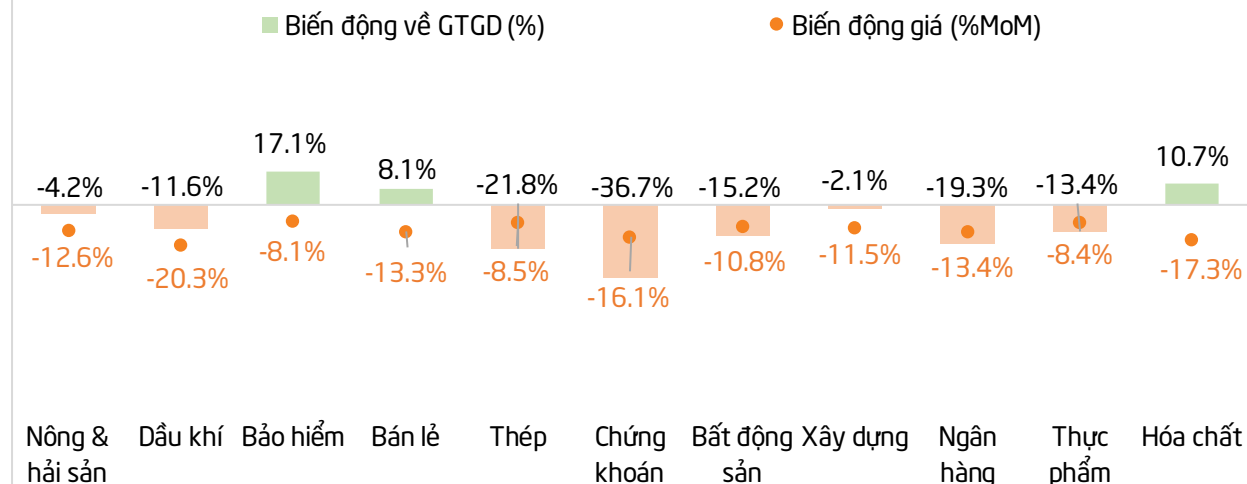
DÒNG TIỀN TÌM VỀ NHÓM BẢO HIỂM & BÁN LẺ

- Thanh khoản nhanh chóng sụt giảm về mức thấp thứ 2 trong hơn 2 năm trở lại đây, với GTGD khớp lệnh bình quân đạt 11.8 nghìn tỷ đồng/phần, -16.3% MoM và -53.8% YTD.
- Trong tháng qua, dòng tiền chủ yếu hướng tới nhóm ngành phòng thủ - Bảo hiểm, Bán lẻ và Hóa chất. Ngược lại, thoát mạnh ở nhóm Chứng khoán, Thép, Ngân hàng và Bất động sản.
- Xét về nhóm nhà đầu tư, tổ chức trong nước duy trì tháng mua ròng thứ 4 liên tiếp. Bên cạnh đó, nhà đầu tư cá nhân cũng trở lại mua ròng trong tháng qua. Và như dữ liệu trong quá khứ thời gian gần đây, mỗi khi nhà đầu tư cá nhân mua vào thì hóm nhà đầu tư nước ngoài sẽ gia tăng vị thế bán ra.
- Chúng tôi đánh giá, dòng tiền bán ròng của nhóm nhà đầu tư nước ngoài đang là nguyên nhân chính gây ra tình trạng điều chỉnh của thị trường trong tháng 09. Việc USD tăng cao là nguyên nhân chính tác động đến quyết định của nhóm nhà đầu tư này.

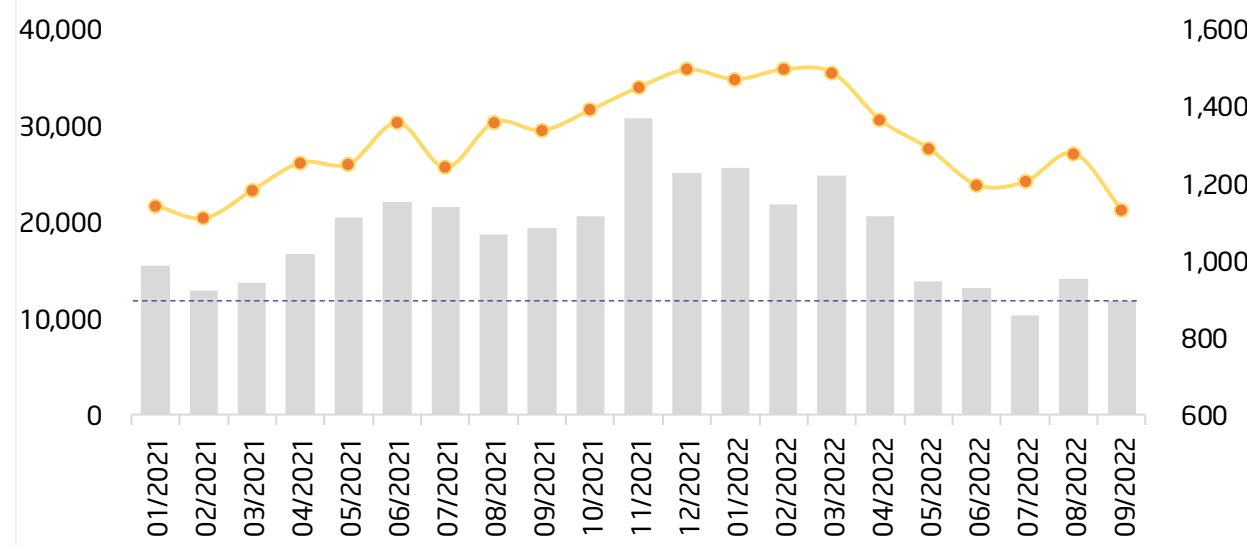
GTGD khớp lệnh ròng theo tháng của từng nhóm NĐT tính từ 2022. Đvt: Tỷ VND



Tăng trưởng dòng tiền và giá trị các nhóm ngành chính T9.22 (%MoM)



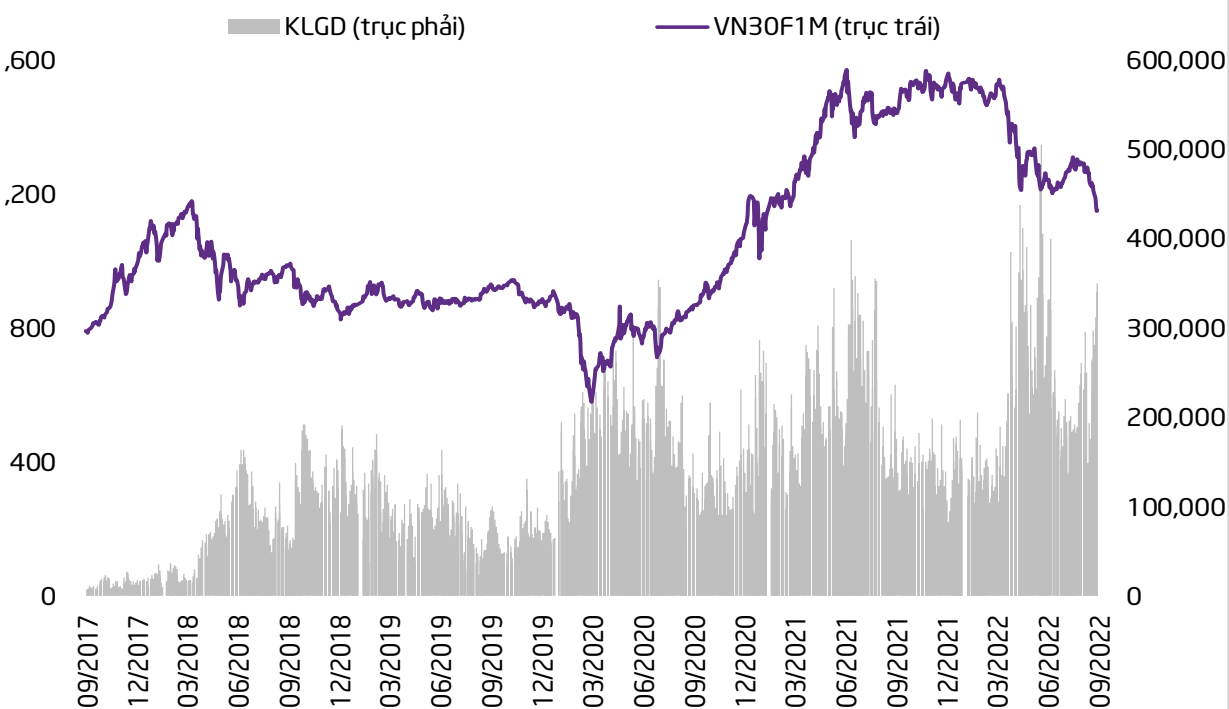
GTGD khớp lệnh bình quân theo tháng từ 2017. Đvt: Tỷ VND



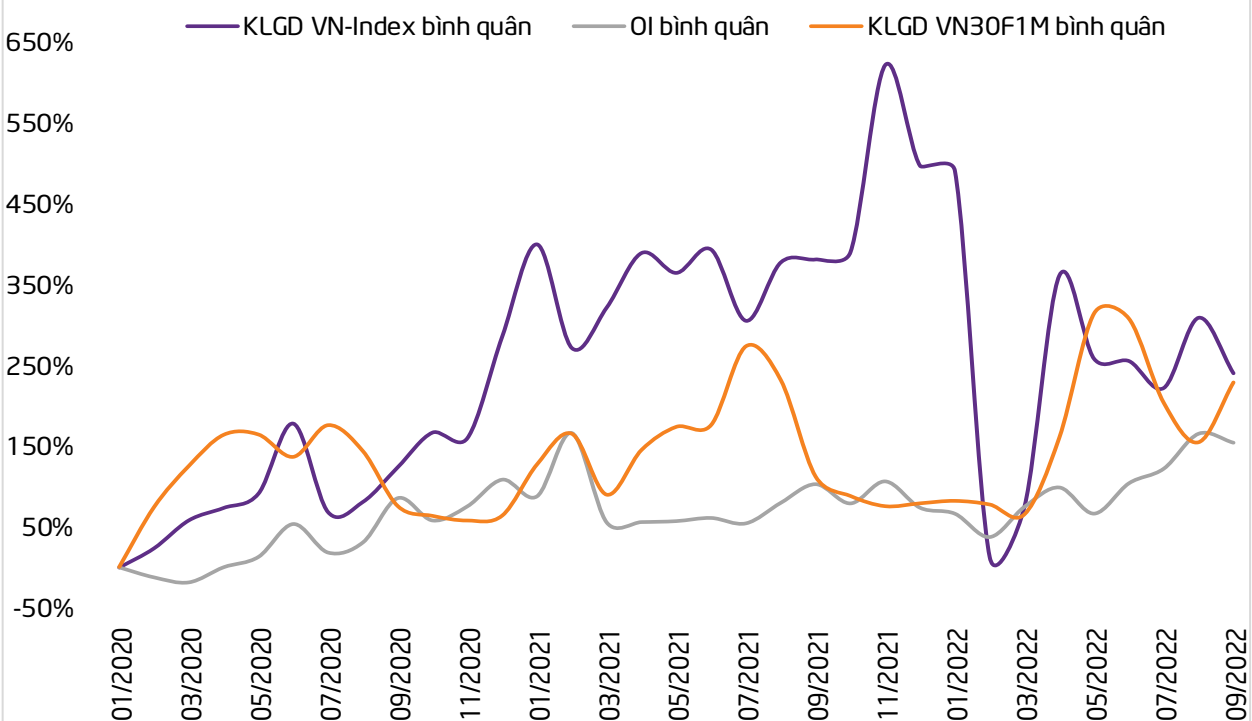
THỊ TRƯỜNG TƯƠNG LAI SÔI ĐỘNG TRỞ LẠI

- Kết thúc tháng 09/2022, KLGD hợp đồng tương lai VN30F1M tăng 29.1% MoM, đạt mức trung bình 248,553 hợp đồng/phần. Thanh khoản của hợp đồng tương lai trên đã có sự hồi phục mạnh mẽ sau 3 tháng sụt giảm liên tiếp trước đó. Đồng thời, dữ liệu tháng 9 cho thấy VN30F1M đã quay về mức giao dịch bình quân trên 200,000 hợp đồng/phần.
- Tuy nhiên trong quá khứ, mỗi khi KLGD của VN30F1M gia tăng thì thanh khoản tại thị trường cơ sở sẽ có tín hiệu suy giảm. Bên cạnh đó, diễn biến KLGD bình quân tháng 09 tại thị trường cơ sở một lần nữa cho thấy dữ liệu lịch sử đang chính xác với việc sụt giảm gần 17%. Có thể thấy, việc điều chỉnh mạnh của thị trường cơ sở và những lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã khiến dòng tiền từ thị trường cơ sở dịch chuyển một phần sang thị trường tương lai nhằm tìm kiếm lợi nhuận từ việc mở vị thế short.
- Tuy nhiên theo dữ liệu lịch sử, chúng tôi vẫn giữ nguyên nhận định rằng sự sôi động của VN30F1M chỉ mang tính thời điểm và sẽ nhanh chóng hạ nhiệt khi đà giảm từ thị trường cơ sở dần chững lại.

Diễn biến hợp đồng tương lai từ 2017

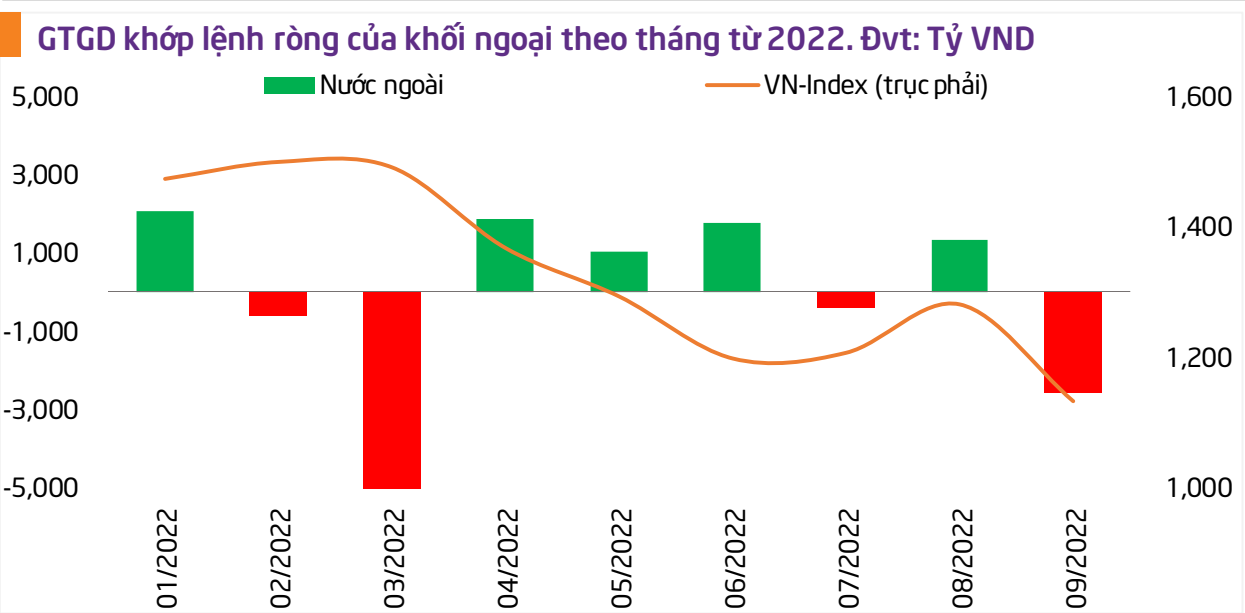
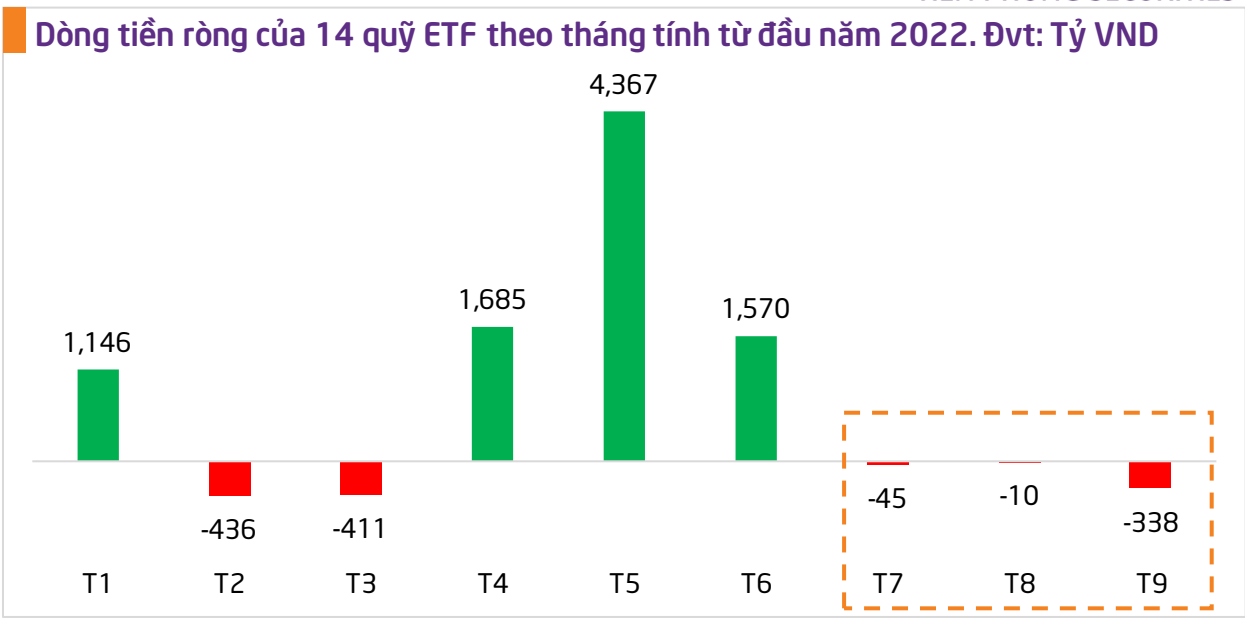


Tốc độ tăng trưởng KLGD VN30F1M và VN-Index



DÒNG TIỀN TỪ KHỐI NGOẠI ĐẢO CHIỀU

- Khối ngoại trở lại bán ròng trong tháng 09 với giá trị khớp lệnh trên HOSE đạt gần 2.6 nghìn tỷ đồng. Đây là tháng có giá trị bán ròng lớn thứ 2 trong năm 2022 (xếp sau giai đoạn tháng 3/2022).
- Xét về diễn biến cụ thể, tại chiều bán, KDH dẫn đầu danh sách với giá trị bán ròng đạt gần 600 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, HPG có lần đầu tiên dẫn đầu trong năm 2022 khi ghi nhận mức mua ròng gần 700 tỷ đồng. Tuy nhiên, chỉ trong 3 phiên giao dịch đầu tháng 10/2022, khối ngoại đã “tháo chạy” gần 500 tỷ đồng với cổ phiếu quốc dân HPG.
- Việc bán ròng của khối ngoại không có sự đóng góp của dòng tiền qua các quỹ ETF. Đây vẫn là điều đáng chú ý bởi dòng tiền của khối ngoại trên TTCK VN trong giai đoạn tháng 4-6/2022 và ở năm 2021 chủ yếu thông qua các chứng chỉ quỹ ETF.
- Chúng tôi nhận định, câu chuyện thu hút dòng tiền từ khối ngoại trong những tháng cuối năm sẽ đổ dồn sự chú ý vào diễn biến tỷ giá Việt Nam. Mặc dù là một trong những đồng tiền ít biến động nhất trên thế giới so với USD nhưng áp lực tăng giá mạnh mẽ của USD đang tạo sức ép lớn đến VND. Vì vậy, để thu hút dòng tiền từ khối ngoại, tỷ giá USD/VND cần duy trì sức hút như giai đoạn trước đó.

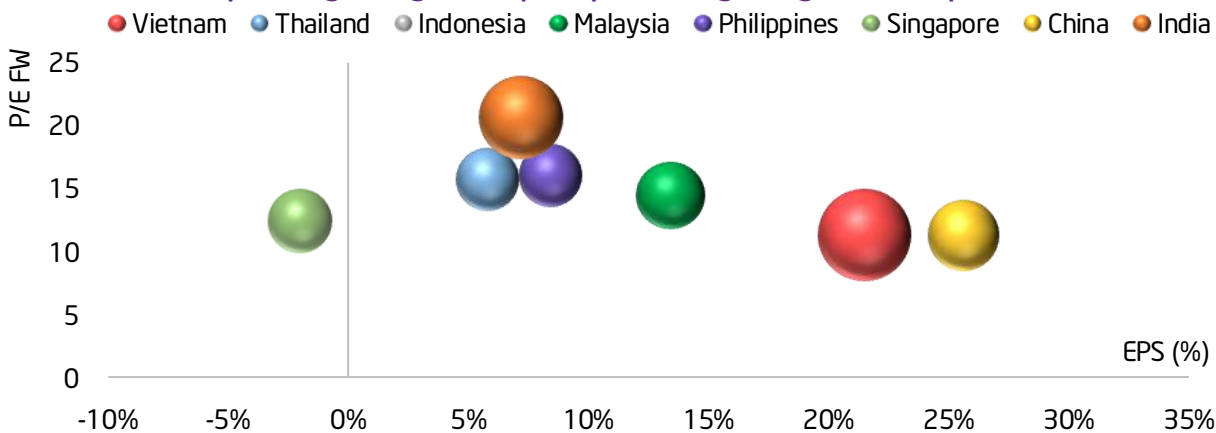


Top Mua/Bán ròng của NĐTNN (Tỷ đồng) trong tháng 09/2022			
Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
HPG	695.12	KDH	593.52
PVD	450.09	STB	511.99
DGC	333.21	NVL	492.50
PNJ	178.90	VND	418.93
VNM	149.78	FUEVFNVD	378.14
VRE	117.50	NLG	327.56
POW	87.15	SSI	295.68
GMD	80.98	VJC	199.62
HDB	70.53	VHM	193.49
VIC	69.42	DXG	169.95

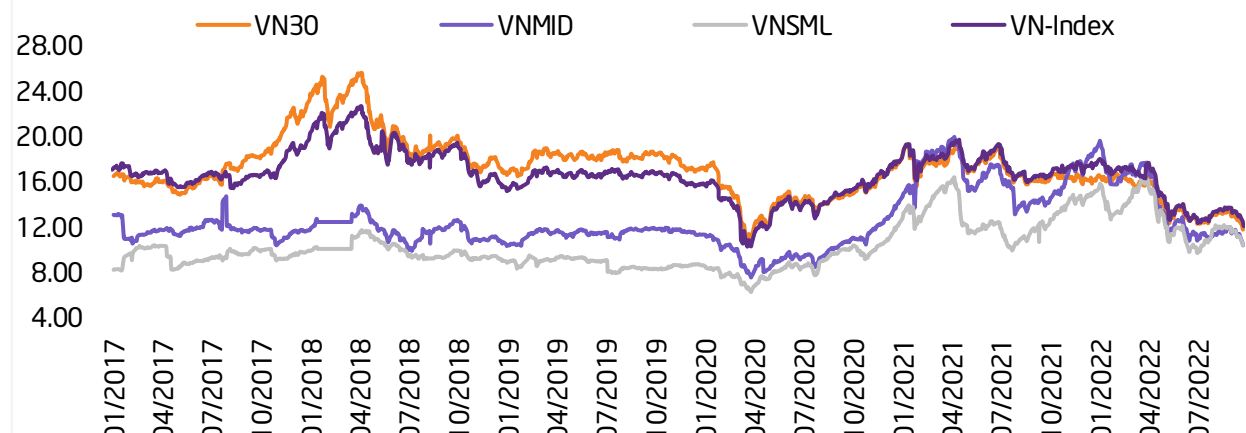
VN-INDEX VẪN ĐANG Ở VÙNG ĐỊNH GIÁ HẤP DẪN VỚI P/E FW LÀ 11.X

- Kết thúc 9 tháng đầu năm 2022, P/E trailing của VN-Index hiện ở quanh mức 12.09 lần, thấp hơn rất nhiều so với mức P/E trung bình 5 năm là 16.x Cho cả năm 2022, chúng tôi đánh giá tăng trưởng EPS của toàn thị trường dự kiến trên 20% và mức P/E forward định giá hiện tại chỉ tương đương 11.x.
- Bên cạnh đó, khi so với các quốc gia trong khu vực, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đang hết sức hấp dẫn với P/E forward 2022 ở mức gần như thấp nhất nhưng lại có mức ROE thuộc nhóm cao nhất. Chính vì vậy, chúng tôi đánh giá đây là thời điểm hợp lý để tích lũy những cổ phiếu có nội tại tốt, kết quả kinh doanh tích cực và thanh khoản cao.

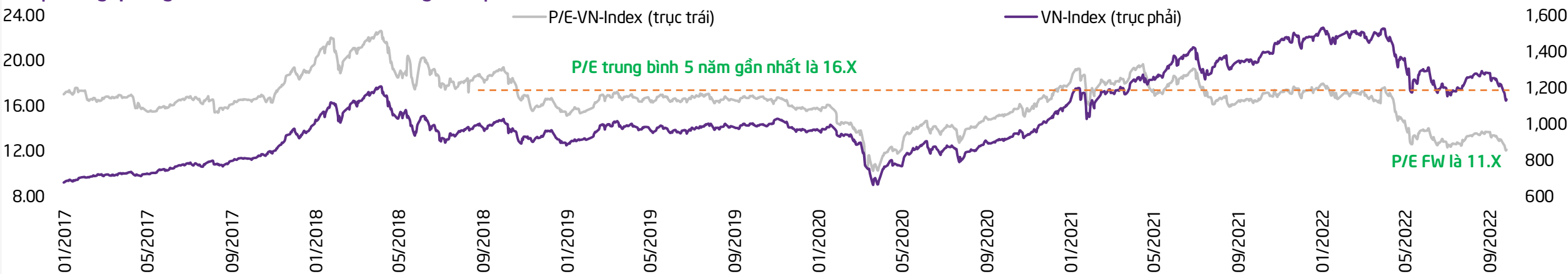
So sánh các thị trường trong khu vực. Độ lớn bong bóng là ROE dự báo 2022



Sự tương quan giữa P/E của các chỉ số chính tính từ giai đoạn từ 2017



Sự tương quan giữa P/E và VN-Index tính từ giai đoạn từ 2017



KỊCH BẢN VN-INDEX THÁNG 10.22

Tháng 10/2022 Kịch bản tích cực Kịch bản trung lập Kịch bản tiêu cực

VN-Index 1,151-1,220 1,040-1,150 950-1,039

Xác suất 20% 50% 30%

Đà hồi phục trong ngắn hạn của VN-Index đã kết thúc ngay khi chỉ số chinh phục không thành kháng cự mạnh 1,300-1,330 điểm. Tại đây, chỉ số đã nhanh chóng đảo chiều xu hướng và liên tục phá vỡ các mốc hỗ trợ quan trọng như mức 1,200 điểm (ngưỡng Fibonacci Retracement 38.2%) và mức 1,150 điểm (đáy tháng 07/2022) để tiến về mức 1,100 điểm (ngưỡng Fibonacci Retracement 50%).

Dựa trên biến động của VN-Index, chúng tôi đưa ra 3 kịch bản cho thị trường trong T10.22 như sau:

- Trong kịch bản **tích cực**, nếu VN-Index có thể trở lại trên mức 1,150 điểm, niềm tin về triển vọng của thị trường sẽ được củng cố và từ đó thu hút dòng tiền sôi động trở lại. Mục tiêu của chỉ số trong giai đoạn này là vùng **1,151-1,220 điểm** (ngưỡng Fibonacci Retracement 38.2%).
- Trong kịch bản **trung lập**, VN-Index sẽ biến động sideways trong kênh giá **1,040-1,150 điểm** với thanh khoản suy giảm dần.
- Ở kịch bản **tiêu cực**, VN-Index nhiều khả năng sẽ giảm mạnh và rơi về quanh ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% với biên độ +/-5% (tương đương vùng **950-1,039 điểm**).

Chỉ số VNINDEX 1D O:1105.31 H:1106.97 L:1095.05 C:1095.82 -8.44 (-0.76%)
▼ 8



DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10.22 THEO PTKT

STT	Mã CP	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Kháng cự	Hỗ trợ
1	FPT	73,000-75,000	88,000	69,500	82,000	72,000
2	GAS	94,000-96,000	120,000	89,000	108,000	91,000
3	GMD	46,000-47,500	60,000	43,500	51,000	45,000
4	IDC	41,500-42,500	68,000	39,000	53,400	40,000

STT	Mã CP	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Kháng cự	Hỗ trợ
5	DGW	50,000-51,500	77,000	47,500	60,000	50,000
6	NTC	160,000-164,000	220,000	150,000	188,000	157,000
7	PVT	17,500-18,200	24,500	16,500	22,000	17,000
8	REE	72,000-74,500	87,000	68,000	82,500	70,000

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

LIÊN HỆ

PHÒNG PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)

 028 7301 3839  p.pt@tpbs.com.vn  <https://www.tpbs.com.vn/>